

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001:2015

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

**Sinh viên : Đỗ Thị Bích Ngọc
Giảng viên hướng dẫn : ThS. Nguyễn Văn Thụ**

HẢI PHÒNG – 2019

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

.....

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH
THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH
DOANH TẠI CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VÀ VẬN
TẢI TÙNG ANH**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Đỗ Thị Bích Ngọc
Giảng viên hướng dẫn : ThS. Nguyễn Văn Thụ**

HẢI PHÒNG – 2019

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

.....

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Đỗ Thị Bích Ngọc

Mã sinh viên: 1312401095

Lớp: QT1701K

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Dịch vụ và Vận tải Tùng Anh

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

- Trình bày các cơ sở lý luận về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

- Phân tích thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Dịch vụ và Vận tải Tùng Anh

- Đưa ra các giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Dịch vụ và Vận tải Tùng Anh

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

- Các văn bản của Nhà nước về chế độ kế toán liên quan đến công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

- Quy chế, quy định về kế toán – tài chính tại doanh nghiệp

- Hệ thống sổ kế toán liên quan đến công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Dịch vụ và Vận tải Tùng Anh, sử dụng số liệu năm 2017.

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp:

- Công ty TNHH Dịch vụ và Vận tải Tùng Anh

- Địa chỉ : Thôn Nam Bình, xã An Hưng, huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Nguyễn Văn Thụ

Học hàm, học vị: Thạc sỹ

Cơ quan công tác: Trường Đại học Dân lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Dịch vụ và Vận tải Tùng Anh.

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày tháng năm 2018

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày tháng năm 2019

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN
Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN
Người hướng dẫn

Đỗ Thị Bích Ngọc

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2019

Hiệu trưởng

Ths. Nguyễn Văn Thụ

GS.TS.NGƯT Trần Hữu Nghị

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	10
CHƯƠNG I: CƠ SỞ LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG.....	3
DOANH NGHIỆP.....	3
1.1 Những vấn đề chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	3
1.1.1. Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	3
1.1.2. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	4
1.1.3. Một số khái niệm thuật ngữ liên quan đến doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh	5
1.2. Nội dung kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.	8
1.2.1.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu	12
1.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán:	14
1.2.3. Kế toán chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp.	19
1.2.3.1. Kế toán chi phí bán hàng	19
1.2.4. Nội dung kế toán doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động tài chính	22
1.2.4.1 Nội dung kế toán doanh thu hoạt động tài chính	22
1.2.4.2. Kế toán chi phí hoạt động tài chính.	24
1.2.5. Nội dung kế toán thu nhập, chi phí và hoạt động khác	26
1.2.5.1. Kế toán thu nhập hoạt động khác.....	26
1.2.5.2. Kế toán chi phí hoạt động khác.	28
1.2.6. Kế toán tổng hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh toàn doanh nghiệp	30
1.3. Đặc điểm kế toán doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động kinh doanh theo các hình thức kế toán.....	33
1.3.3. Đặc điểm kế toán thanh toán theo hình thức Nhật ký – Chứng từ:.....	35

1.3.4. Đặc điểm kế toán thanh toán theo hình thức Chứng từ ghi sổ.....	36
CHƯƠNG 2 THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VÀ VẬN TẢI TÙNG ANH.....	39
TNHH DỊCH VỤ VÀ VẬN TẢI TÙNG ANH.....	39
2.1. Khái quát chung về công ty TNHH Dịch vụ và vận tải Tùng Anh.....	39
2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển.....	39
2.1.2. Ngành nghề kinh doanh.....	40
2.1.3 Mô hình tổ chức bộ máy quản lý công ty.....	41
2.1.4 Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại Công ty TNHH Dịch vụ và vận tải Tùng Anh.....	43
2.1.4.1 Tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty.....	43
2.1.4.2. Các chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại công ty.....	46
2.1.4.3. Tổ chức vận dụng hệ thống chứng từ và tài khoản.....	46
2.1.4.4. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách kế toán.....	46
2.2. Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí tại Công ty TNHH dịch vụ và vận tải Tùng Anh.....	48
2.2.1. Thực trạng công tác kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty TNHH dịch vụ và vận tải Tùng Anh.....	48
2.2.2. Thực trạng công tác kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty TNHH dịch vụ và vận tải Tùng Anh.....	55
2.2.3. Thực trạng công tác kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp tại Công ty TNHH dịch vụ và vận tải Tùng Anh.....	60
2.2.4. Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính tại Công ty TNHH dịch vụ và vận tải Tùng Anh.....	66
2.2.5. Tổng hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH dịch vụ và vận tải Tùng Anh.....	73
CHƯƠNG 3 MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VÀ VẬN TẢI TÙNG ANH.....	82

3.1. Đánh giá thực trạng công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh nói riêng tại Công ty TNHH dịch vụ và vận tải Tùng Anh	82
3.1.1. Ưu điểm.....	82
3.2. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH dịch vụ và vận tải Tùng Anh.....	86
KẾT LUẬN.....	94
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	95

DANH MỤC BẢNG, BIỂU

Biểu số 2.1: Hóa đơn giá trị gia tăng	50
Biểu số 2.2: Hóa đơn giá trị gia tăng	51
Biểu số 2.3: Phiếu thu.....	52
Biểu số 2.4: Trích sổ Nhật ký chung	53
Biểu số 2.5 : Trích sổ cái tài khoản 511	54
Biểu số 2.6: Phiếu kế toán	57
Biểu số 2.7: Phiếu kế toán	57
Biểu số 2.8: Trích sổ Nhật ký chung	58
Biểu số 2.9: Sổ cái TK 632.....	59
Biểu số 2.10: Hóa đơn giá trị gia tăng	62
Biểu số 2.11: Phiếu chi.....	63
Biểu số 2.12: Trích sổ Nhật ký chung	64
Biểu số 2.13. Trích sổ cái TK 642	65
Biểu số 2.14: Giấy báo có.....	68
Biểu số 2.15: Giấy báo nợ của ngân hàng Công thương.....	69
Biểu số 2.16: Trích sổ Nhật ký chung	70
Biểu số 2.17. Trích sổ cái TK 515	71
Biểu số 2.18. Trích sổ cái TK 635	72
Biểu số 2.19. Phiếu kế toán	74
Biểu số 2.20. Phiếu kế toán	74
Biểu số 2.21. Phiếu kế toán	75
Biểu số 2.22. Phiếu kế toán số 22.....	75
Biểu số 2.23. Phiếu kế toán	76
Biểu số 2.24: Trích sổ Nhật ký chung	77
Biểu số 2.25. Trích sổ cái TK 911	78
Biểu số 2.26. Trích sổ cái TK 821	79
Biểu số 2.27. Trích sổ cái TK 421	80
Biểu số 2.28: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	81

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1: Sơ đồ trình tự hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo phương thức bán trực tiếp.....	10
Sơ đồ 1.2: Hạch toán doanh thu bán hàng thông qua đại lý.....	11
Sơ đồ 1.3: Hạch toán doanh thu bán hàng theo phương thức trả chậm trả góp..	11
Sơ đồ 1.4: Sơ đồ trình tự hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	13
Sơ đồ 1.5: Sơ đồ trình tự hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.....	17
Sơ đồ 1.6: Sơ đồ trình tự hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ.....	18
Sơ đồ 1.7: Sơ đồ trình tự hạch toán chi phí bán hàng, quản lý doanh nghiệp....	21
Sơ đồ 1.8: Sơ đồ trình tự hạch toán doanh thu hoạt động tài chính	23
Sơ đồ 1.9: Sơ đồ trình tự hạch toán chi phí tài chính.....	25
Sơ đồ 1.10: Sơ đồ trình tự hạch toán thu nhập hoạt động khác	27
Sơ đồ 1.11: Sơ đồ trình tự hạch toán chi phí hoạt động khác	29
Sơ đồ 1.12: Sơ đồ trình tự hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh toàn doanh nghiệp.....	32
Sơ đồ 1.13 : Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Nhật ký chung	34
Sơ đồ 1.14: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Nhật ký Sổ cái	35
Sơ đồ 1.15: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu - chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Nhật ký chứng từ	36
Sơ đồ 1.16: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu - chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ	37
Sơ đồ 1.17: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu - chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán máy.....	38
Sơ đồ 2.1: Mô hình tổ chức bộ máy quản lý Công ty TNHH Dịch vụ và vận tải Tùng Anh	42

Sơ đồ 2.2: Mô hình tổ chức bộ máy kế toán Công ty TNHH Dịch vụ và vận tải Tùng Anh	44
Sơ đồ 2.3. Sơ đồ trình tự kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức nhật ký chung tại Công ty TNHH dịch vụ và vận tải Tùng Anh.....	47
Sơ đồ 2.4. Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu tại Công ty TNHH dịch vụ và vận tải Tùng Anh.....	48
Sơ đồ 2.5. Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán giá vốn tại Công ty TNHH dịch vụ và vận tải Tùng Anh.....	56
Sơ đồ 2.6. Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán chi phí QLDN tại Công ty TNHH dịch vụ và vận tải Tùng Anh	60
Sơ đồ 2.7. Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính tại Công ty TNHH dịch vụ và vận tải Tùng Anh.....	66

LỜI MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, muốn tồn tại và phát triển lâu dài thì các doanh nghiệp cần phải chủ động trong sản xuất kinh doanh, nâng cao công tác quản lý, nắm bắt một cách nhanh chóng và chuẩn xác các thông tin, đặc biệt là các thông tin kinh tế. Những thông tin này chỉ có kế toán mới thu thập, tổng hợp và cung cấp được, thông qua hệ thống báo cáo tài chính do kế toán cung cấp ta có thể biết được tình hình tài chính của doanh nghiệp. Đồng thời, đó cũng là cơ sở để cơ quan thuế, các đối tác làm ăn và các tổ chức tài chính xem xét làm việc và hợp tác. Việc tổ chức hạch toán kế toán của doanh nghiệp có nhiều khâu quan trọng, trong đó công tác tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là một khâu cơ bản của hạch toán kế toán trong doanh nghiệp. Bởi nó cho biết sản phẩm của doanh nghiệp được tiêu thụ như thế nào, chi phí trong quá trình sản xuất, tiêu thụ sản phẩm ra sao và kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ doanh nghiệp đạt được. Những thông tin từ đây giúp cho các nhà quản lý đưa ra đối sách phù hợp. Vì vậy, để kế toán đặc biệt là kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh phát huy hết vai trò chức năng của nó, cần phải biết tổ chức công tác này một cách hợp lý, khoa học và thường xuyên.

Với nhận thức đó, từ những kiến thức chuyên ngành đã học tại trường cùng với sự giúp đỡ của Thạc sỹ Nguyễn Văn Thụ, kết hợp với việc tìm hiểu thực tế tại Công ty TNHH dịch vụ và vận tải Tùng Anh, em đã quyết định chọn đề tài nghiên cứu “Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH dịch vụ và vận tải Tùng Anh” làm đề tài khóa luận của mình.

2. Mục đích nghiên cứu của đề tài

- Hệ thống hóa lý luận chung về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp
- Mô tả thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH dịch vụ và vận tải Tùng Anh

- Đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH dịch vụ và vận tải Tùng Anh

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài

- Đối tượng nghiên cứu: Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

- Phạm vi nghiên cứu : tại Công ty TNHH dịch vụ và vận tải Tùng Anh

4. Phương pháp nghiên cứu

- Các phương pháp kế toán.

- Phương pháp thống kê, so sánh.

5. Kết cấu của khoá luận

Kết cấu của khóa luận ngoài phần mở đầu và kết luận gồm 03 chương:

Chương 1 : Lý luận chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp.

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH dịch vụ và vận tải Tùng Anh

Chương 3 : Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH dịch vụ và vận tải Tùng Anh

CHƯƠNG I
CƠ SỞ LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU,
CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG
DOANH NGHIỆP.

1.1 Những vấn đề chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

1.1.1. Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Trước những biến đổi sâu sắc của nền kinh tế toàn cầu, mức độ cạnh tranh về hàng hóa, dịch vụ giữa các doanh nghiệp trong nước ngày càng khốc liệt hơn nhất là khi Việt Nam đã gia nhập tổ chức thương mại thế giới (WTO), điều này đã đem lại nhiều cơ hội cũng như thử thách lớn cho các doanh nghiệp. Do đó, mỗi doanh nghiệp không những phải tự lực vươn lên trong quá trình sản xuất kinh doanh mà phải biết phát huy tối đa tiềm năng của mình để đạt được hiệu quả kinh tế cao nhất.

Bên cạnh các phương thức xúc tiến thương mại để đẩy nhanh tốc độ tiêu thụ với mục đích cuối cùng là tối đa hóa lợi nhuận, các doanh nghiệp cần phải nắm bắt thông tin, số liệu cần thiết và chính xác từ bộ phận kế toán giúp cho các nhà quản trị có cái nhìn chính xác về tình hình quản lý phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý kinh doanh của doanh nghiệp, có thể công khai tài chính thu hút nhà đầu tư.

Doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là kết quả cuối cùng để đánh giá chính xác hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp từng thời kỳ. Vì vậy, việc xác định đúng kết quả hoạt động kinh doanh sẽ giúp cho các nhà quản trị doanh nghiệp thấy được ưu và nhược điểm, những vấn đề tồn tại, từ đó đưa ra các giải pháp khắc phục, đề ra các phương án chiến lược kinh doanh đúng đắn và phù hợp hơn cho các kỳ tiếp theo.

Số liệu kế toán càng chi tiết, chính xác, nhanh chóng và kịp thời sẽ hỗ trợ các nhà quản trị tốt hơn trong việc cân nhắc để đưa ra các quyết định phù hợp nhất với tình hình hoạt động của doanh nghiệp.

Việc xác định tính trung thực, hợp lý, chính xác và khách quan của các thông tin về kết quả kinh doanh trên các báo cáo tài chính là sự quan tâm hàng đầu của các đối tượng sử dụng thông tin tài chính đặc biệt các nhà đầu tư.

Do đó hoàn thiện hơn nữa công tác kế toán hạch toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh là điều cần thiết và quan trọng của mỗi doanh nghiệp.

1.1.2. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

Để phát huy vai trò thực sự của kế toán là công cụ quản lý kinh tế ở doanh nghiệp, kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cần phải thực hiện các nhiệm vụ sau:

+ Phản ánh và ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác tình hình hiện có và sự biến động của từng loại sản phẩm, hàng hóa theo chỉ tiêu số lượng, chất lượng, chủng loại, giá trị...

+ Phản ánh đầy đủ, kịp thời, chi tiết tình hình tiêu thụ ở tất cả trạng thái như hàng tồn kho...

+ Xác định đúng thời điểm hàng hóa được coi là tiêu thụ để phản ánh doanh thu một cách chính xác và kịp thời để lập báo cáo tiêu thụ.

+ Lựa chọn phương án tính giá vốn hàng xuất kho theo phương pháp phù hợp.

+ Phản ánh, tính toán và ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác các khoản doanh thu, các khoản giảm trừ doanh thu và các khoản chi phí của từng loại hoạt động trong doanh nghiệp như: chi phí quản lý doanh nghiệp, giá vốn hàng bán... Từ đó đưa ra kiến nghị, giải pháp nhằm hoàn thiện việc tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh. Đồng thời theo dõi, đôn đốc các khoản phải thu khách hàng.

+ Phản ánh và tính toán chính xác kết quả từng hoạt động, giám sát tình hình thực hiện nhiệm vụ đối với Nhà nước để họ có căn cứ đánh giá sức mua, đánh giá tình hình tiêu dùng, đề xuất các chính sách ở tầm vĩ mô.

+ Cung cấp các thông tin kế toán cần thiết để phục vụ cho việc lập báo cáo tài chính và định kỳ phân tích hoạt động kinh tế liên quan đến bán hàng, xác định kết quả kinh doanh.

1.1.3. Một số khái niệm thuật ngữ liên quan đến doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

1.1.3.1. Doanh thu:

Doanh thu là là tổng giá trị của các lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

❖ Doanh thu của doanh nghiệp bao gồm:

+ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: Là toàn bộ số tiền doanh nghiệp thu được và sẽ thu được từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán.

+ Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ: Là khoản chênh lệch giữa doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu.

+ Doanh thu tiêu thụ nội bộ: Phản ánh doanh thu của số sản phẩm hàng hóa dịch vụ trong nội bộ doanh nghiệp. Doanh thu tiêu thụ nội bộ là lợi ích kinh tế thu được từ việc bán hàng hóa, sản phẩm và cung cấp dịch vụ tiêu thụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc, hạch toán trực thuộc cùng một công ty, tổng công ty tính theo giá bán nội bộ.

+ Doanh thu hoạt động tài chính: Là tổng lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ hạch toán phát sinh liên quan đến hoạt động tài chính bao gồm những khoản thu về tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

+ Thu nhập khác: Là những khoản thu mà doanh nghiệp không dự tính trước được hoặc có dự tính đến nhưng ít có khả năng thực hiện hoặc là những khoản không mang tính chất thường xuyên.

1.1.3.2. Các khoản giảm trừ doanh thu.

+ Chiết khấu thương mại: Là khoản tiền chênh lệch giá bán nhỏ hơn giá niêm yết doanh nghiệp đã giảm trừ cho người mua hàng do người mua hàng đã mua sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ với số lượng lớn theo thỏa thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng kinh tế hoặc cam kết mua bán hàng.

+ Giảm giá hàng bán: Là khoản giảm trừ được doanh nghiệp (bên bán) giảm trừ cho bên mua hàng trong trường hợp đặc biệt, vì lý do hàng bán bị kém phẩm chất, không đúng quy cách, hoặc không đúng thời hạn...đã ghi trong hợp đồng kinh tế.

+ Giá trị hàng bán bị trả lại: Là số sản phẩm, hàng hóa doanh nghiệp đã ghi nhận doanh thu nhưng bị khách hàng trả lại do vi phạm các điều kiện đã cam kết trong hợp đồng kinh tế hoặc theo chính sách bảo hành như: hàng kém phẩm chất, hàng sai quy cách chủng loại.

+ Thuế TTĐB, thuế xuất khẩu, thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp: được xác định theo số lượng sản phẩm hàng hóa tiêu thụ, giá tính thuế và thuế suất của từng mặt hàng. Trong đó:

- Thuế tiêu thụ đặc biệt: là loại thuế được đánh vào doanh thu của các doanh nghiệp sản xuất một số mặt hàng đặc biệt mà nhà nước không khuyến khích sản xuất như: Bia, rượu, thuốc lá, vàng mã, bài lá...

- Thuế xuất khẩu: là một sắc thuế đánh vào tất cả hàng hóa, dịch vụ mua bán, trao đổi với nước ngoài khi xuất khẩu ra khỏi lãnh thổ Việt Nam.

- Thuế giá trị gia tăng tính theo phương pháp trực tiếp: là số thuế tính trên phần giá trị tăng thêm của hàng hóa, dịch vụ phát sinh từ quá trình sản xuất, lưu thông đến tiêu dùng.

1.1.3.3. Chi phí và phân loại chi phí.

Chi phí: là khoản chi phí mà một doanh nghiệp phải bỏ ra để vận hành hoạt động của mình trong hoạt động kinh doanh và sản xuất. Đây là khoản chi phí mà người quản lý và người chủ doanh nghiệp luôn phải cân đối sao cho phù hợp nhất với lợi nhuận doanh nghiệp của mình. Chi phí gồm có: giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí hoạt động tài chính, chi phí khác, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

+ *Giá vốn hàng bán:* Là giá trị thực tế xuất kho của số sản phẩm hàng hóa (hoặc bao gồm chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hóa đã bán trong kỳ đối với doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành và đã được xác định là tiêu thụ và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác

phát sinh được tính vào giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

+ *Chi phí bán hàng*: là chi phí phát sinh trong quá trình bán hàng của doanh nghiệp như: Lương của nhân viên bán hàng, chi phí bốc dỡ hàng hóa, chi phí chuyên hàng, chi phí kho bãi lưu trữ hàng hóa...

+ *Chi phí quản lý doanh nghiệp* là: những khoản chi phí có liên quan chung đến toàn bộ hoạt động của cả doanh nghiệp mà không tách riêng được cho bất kỳ hoạt động nào. Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm: chi phí nhân viên quản lý, chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ, chi phí khấu hao TSCĐ, chi phí dịch vụ mua ngoài và các chi phí bằng tiền khác.

+ *Chi phí hoạt động tài chính*: Phản ánh các khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí đi vay và cho vay vốn, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ.....

+ *Chi phí khác* là các khoản chi phí phát sinh cho các sự kiện hay nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp. Chi phí khác của doanh nghiệp bao gồm: chi phí thanh lý, chi phí nhượng bán TSCĐ, phạt tiền do vi phạm hợp đồng kinh tế, giá trị còn lại của TSCĐ khi thanh lý, nhượng bán.

+ *Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp* là : khoản chi bao gồm thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại nhằm mục đích xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

1.1.3.4. Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

Kết quả kinh doanh là phần thu nhập còn lại sau khi trừ đi tất cả các chi phí. Kết quả kinh doanh là mục đích cuối cùng của mọi doanh nghiệp, nó phụ thuộc vào quy mô và chất lượng của quá trình sản xuất kinh doanh. Hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm 3 hoạt động cơ bản:

+ *Kết quả hoạt động bán hàng, cung cấp dịch vụ*: Là hoạt động sản xuất tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, lao vụ, dịch vụ của các ngành sản xuất kinh doanh chính và sản phẩm kinh doanh phụ.

+ *Kết quả hoạt động tài chính*: Là hoạt động đầu tư về vốn và đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn với mục tiêu kiếm lời.

+ *Kết quả hoạt động khác*: Là hoạt động ngoài dự kiến của doanh nghiệp.

+ *Lãi sau thuế*: Là phần còn lại sau khi loại trừ phần thuế thu nhập doanh nghiệp

$Lãi\ sau\ thuế = Thu\ nhập\ chịu\ thuế - Thuế\ thu\ nhập\ doanh\ nghiệp$

1.2. Nội dung kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu.

1.2.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

➤ Điều kiện để ghi nhận doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận đồng thời khi thỏa mãn 5 điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.

- Doanh nghiệp không nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.

- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng. Doanh thu và chi phí liên quan đến cùng một giao dịch phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp.

➤ Một số nguyên tắc khi hạch toán doanh thu:

+ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu được tiền hoặc sẽ thu được tiền từ các giao dịch và các nghiệp vụ phát sinh doanh thu như: Bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có).

+ Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá bán chưa có thuế GTGT.

+ Đối với sản phẩm, hàng hóa không chịu thuế GTGT hoặc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán.

+ Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt hoặc thuế xuất khẩu thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán (Bao gồm cả thuế tiêu thụ đặc biệt hoặc thuế xuất khẩu).

+ Những doanh nghiệp nhận gia công vật tư, hàng hóa thì chỉ phản ánh vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư hàng hóa nhận gia công.

+ Đối với hàng hóa nhận đại lý, ký gửi theo phương thức bán đúng giá hoa hồng thì hạch toán vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phần hoa hồng bán hàng mà doanh nghiệp được hưởng.

+ Trường hợp bán hàng theo phương thức trả chậm trả góp thì doanh nghiệp ghi nhận doanh thu bán hàng theo giá bán trả tiền ngay và ghi nhận vào doanh thu chưa thực hiện phần lãi tính trên khoản phải trả nhưng trả chậm phù hợp với thời điểm ghi nhận doanh thu được xác định.

➤ **Chứng từ sử dụng:**

- Hóa đơn giá trị gia tăng, hóa đơn bán hàng.
- Giấy báo có của ngân hàng.
- Các chứng từ có liên quan.

➤ **Tài khoản sử dụng:**

Tài khoản 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ. Có 6 tài khoản cấp 2:

- TK5111-Doanh thu bán hàng hóa.
- TK5112-Doanh thu bán các thành phẩm.
- TK5112-Doanh thu cung cấp dịch vụ.
- TK5114-Doanh thu trợ cấp, trợ giá.
- TK5117-Doanh thu bất động sản đầu tư.
- TK5118-Doanh thu khác.

Kết cấu của TK511:

Bên nợ:

- Số thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng và được xác định đã bán trong kỳ kế toán.

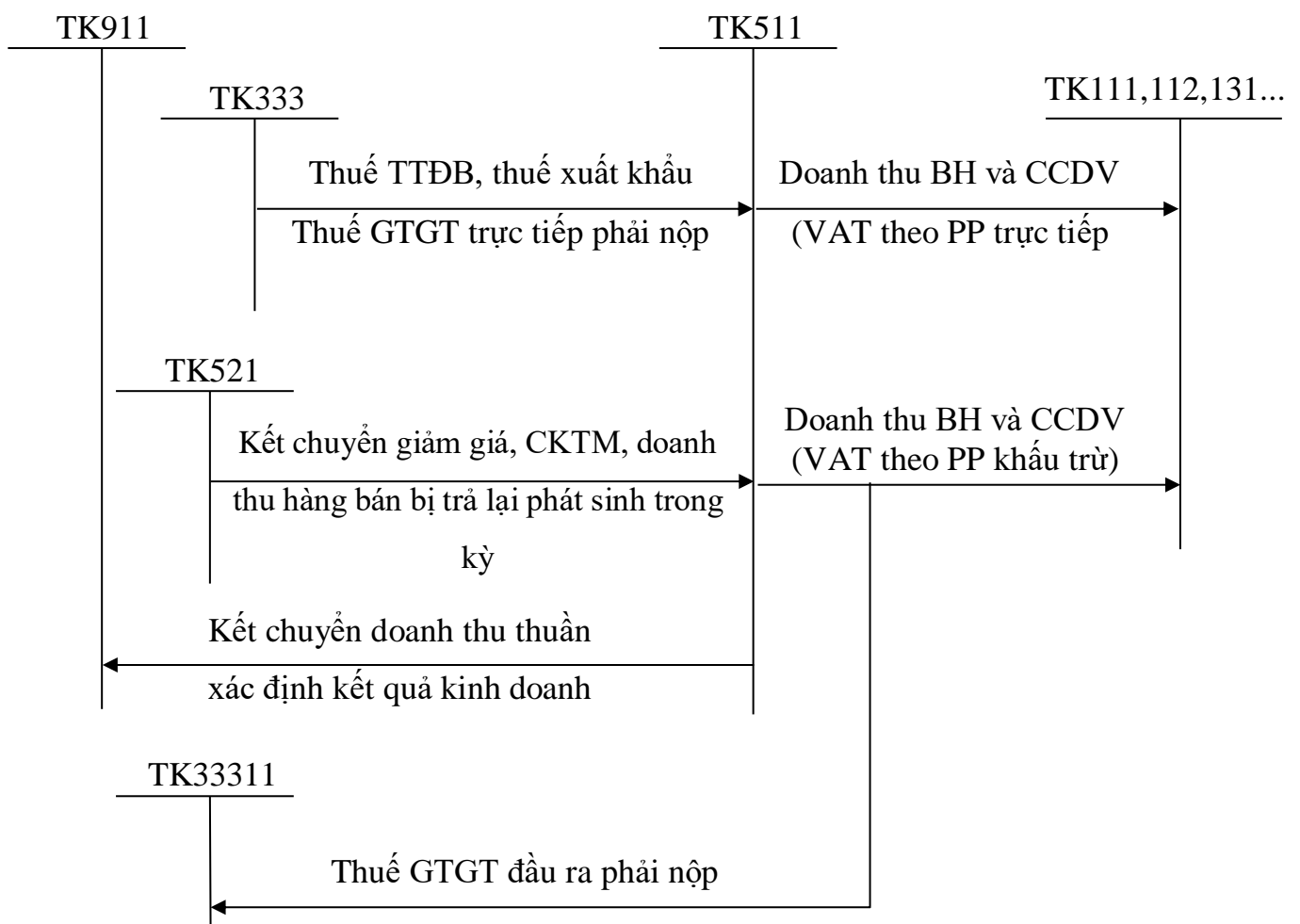
- Số thuế GTGT phải nộp của doanh nghiệp nộp thuế theo phương pháp trực tiếp.
- Doanh thu bán hàng bị trả lại kết chuyển cuối kỳ.
- Các khoản chiết khấu thương mại giảm giá hàng bán kết chuyển cuối kỳ.
- Các khoản giảm giá hàng bán bị kết chuyển cuối kỳ.
- Kết chuyển doanh thu thuần vào tài khoản 911-Xác định kết quả kinh doanh.

Bên có:

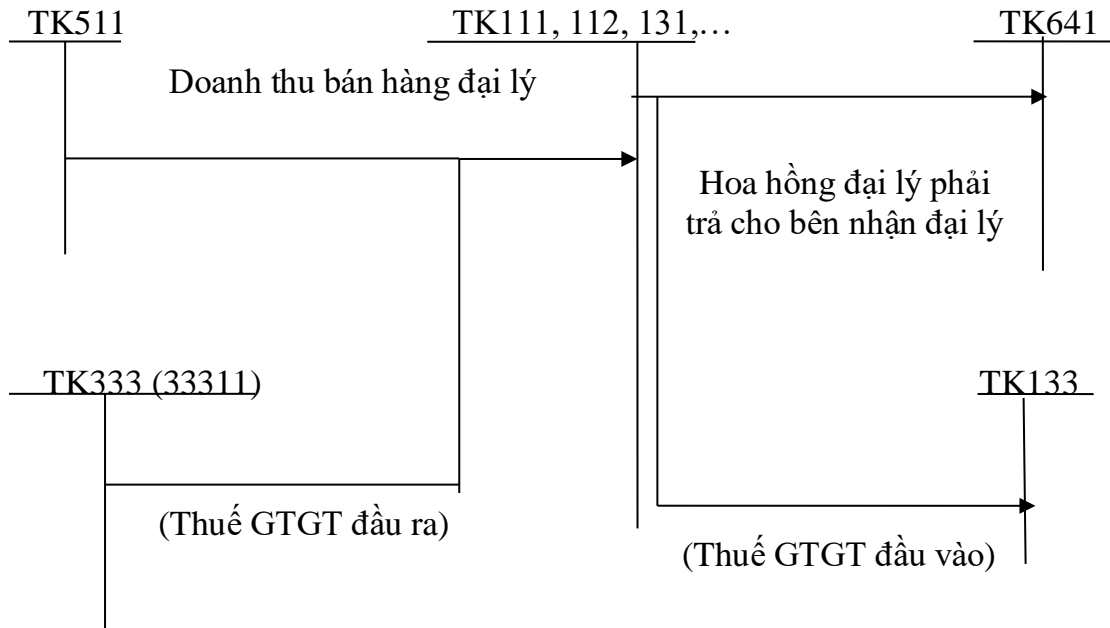
- Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.

TK 511 không có số dư cuối kỳ.

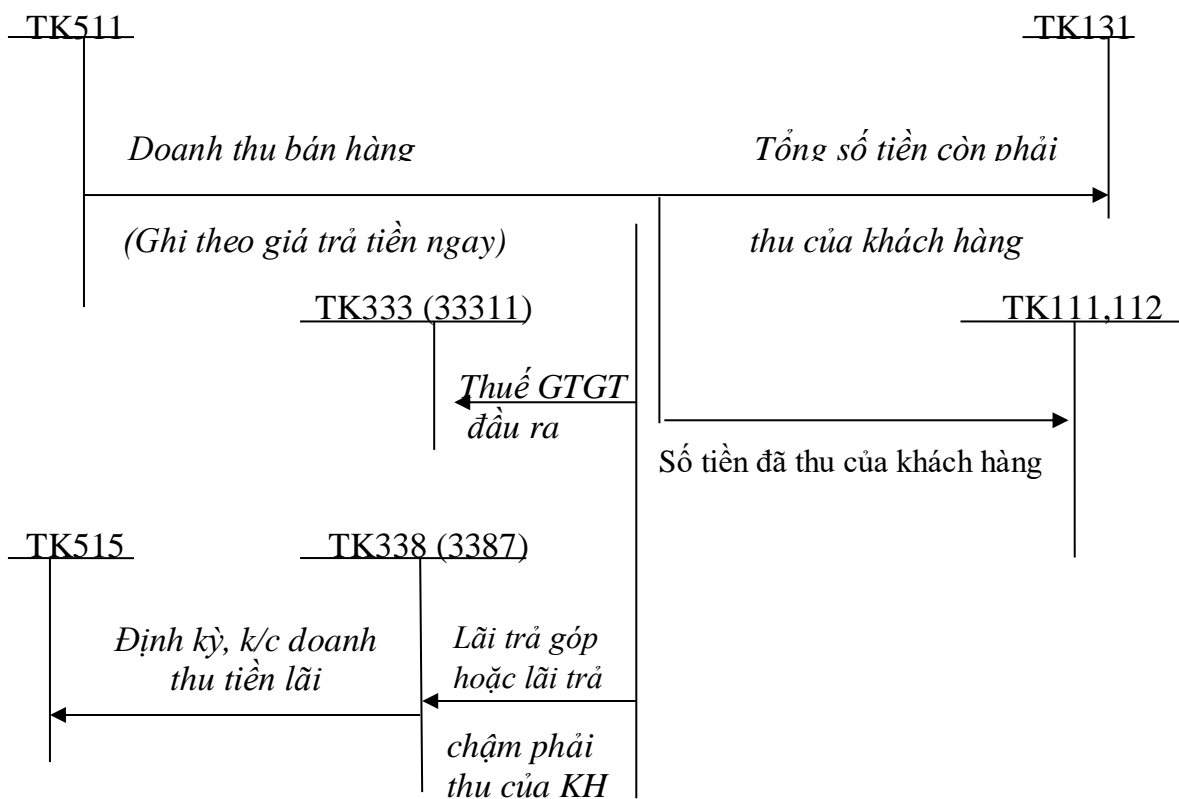
❖ Phương pháp hạch toán doanh thu theo phương thức tiêu thụ trực tiếp



Sơ đồ 1.1: Sơ đồ trình tự hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo phương thức bán trực tiếp



*Sơ đồ 1.2: Hạch toán doanh thu bán hàng thông qua đại lý.
(Theo phương pháp bán đúng giá hưởng hoa hồng).*



Sơ đồ 1.3: Hạch toán doanh thu bán hàng theo phương thức trả chậm trả góp.

1.2.1.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu là các khoản làm cho doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp bị giảm đi như chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại, giảm giá hàng bán, thuế XK, thuế TTĐB, thuế GTGT nộp theo phương pháp trực tiếp.

❖ **Chứng từ sử dụng:**

- + Hóa đơn GTGT; Hóa đơn bán hàng;
- + Các chứng từ thanh toán: Phiếu chi; Giấy báo Nợ của Ngân hàng;
- + Các chứng từ liên quan: Phiếu nhập kho hàng bị trả lại;

❖ **Tài khoản sử dụng: TK521- Các khoản giảm trừ doanh thu**

Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 521

Bên Nợ:

- Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng;
- Số giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho người mua hàng;
- Doanh thu của hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền cho người mua hoặc tính trừ vào khoản phải thu khách hàng về số sản phẩm, hàng hóa đã bán

Bên Có:

Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, doanh thu của hàng bán bị trả lại sang tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” để xác định doanh thu thuần của kỳ báo cáo.

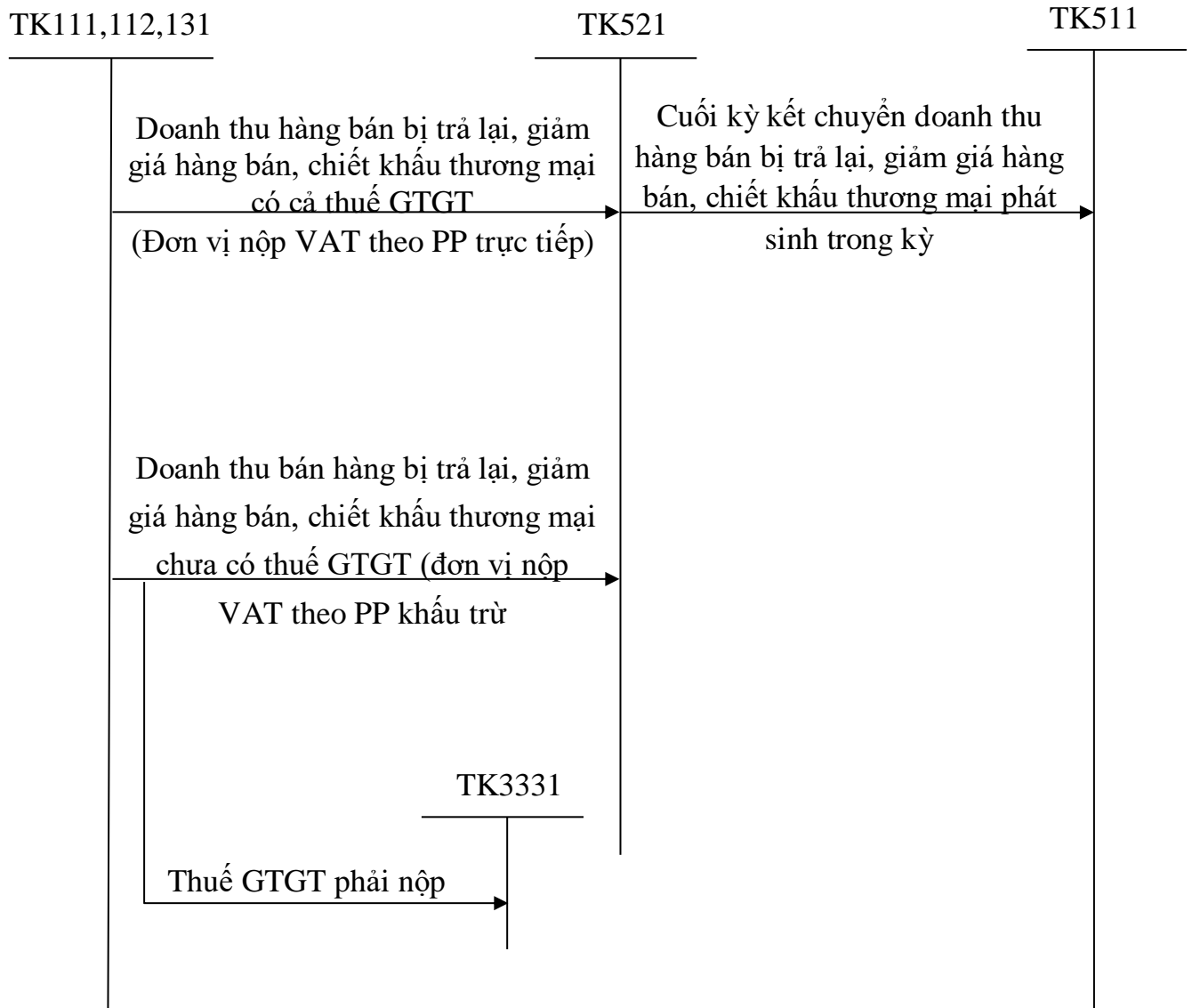
Tài khoản 521 - không có số dư cuối kỳ.

Tài khoản 521 có 3 tài khoản cấp 2

- *Tài khoản 5211 - Chiết khấu thương mại:* Tài khoản này dùng để phản ánh khoản chiết khấu thương mại cho người mua do khách hàng mua hàng với khối lượng lớn nhưng chưa được phản ánh trên hóa đơn khi bán sản phẩm hàng hóa, cung cấp dịch vụ trong kỳ
- *Tài khoản 5212 - Hàng bán bị trả lại:* Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bị người mua trả lại trong kỳ.
- *Tài khoản 5213 - Giảm giá hàng bán:* Tài khoản này dùng để phản ánh khoản giảm giá hàng bán cho người mua do sản phẩm hàng hóa dịch vụ cung cấp kém

quy cách nhưng chưa được phản ánh trên hóa đơn khi bán sản phẩm hàng hóa, cung cấp dịch vụ trong kỳ

❖ Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.4: Sơ đồ trình tự hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán:

Giá vốn hàng bán được xác định bao gồm giá trị thực tế xuất kho của hàng hóa đem bán cộng cả chi phí thu mua phân bổ cho hàng bán ra.

❖ Các phương pháp xác định giá vốn hàng xuất kho.

Để đưa ra giá bán hàng hóa hợp lý, doanh nghiệp phải xác định được giá vốn hàng bán để làm căn cứ ghi sổ, cuối kỳ xác định hiệu quả của hoạt động sản xuất kinh doanh. Trong thực tế, do giá cả của hàng hoá mua vào luôn biến động do đơn giá của hàng hóa mỗi lần nhập kho là khác nhau điều này đòi hỏi kế toán phải có một phương pháp xác định để xác định trị giá hàng hóa xuất kho trên cơ sở các đơn giá nhập kho tương ứng.

Trị giá hàng xuất kho được tính như sau:

$$\text{Trị giá hàng xuất kho} = \text{Đơn giá hàng xuất kho} \times \text{Số lượng hàng xuất kho}$$

Hiện nay, có nhiều cách tính trị giá vốn hàng bán khác nhau, tùy thuộc vào đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của mỗi doanh nghiệp mà lựa chọn phương pháp nào cho phù hợp. Có 4 phương pháp thường được sử dụng :

a, Phương pháp Nhập trước – Xuất trước (FIFO)

Phương pháp này áp dụng dựa trên giả định là hàng được mua trước hoặc sản xuất trước thì được xuất trước và hàng còn lại cuối kỳ là hàng được mua hoặc sản xuất ở thời điểm cuối kỳ. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ còn tồn kho.

b, Phương pháp bình quân gia quyền:

+) *Phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ.*

Theo phương pháp này giá trị của từng loại hàng tồn kho được tính theo giá trị trung bình của từng loại hàng tồn kho đầu kỳ và giá trị từng loại hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trong kỳ. Phương pháp bình quân có thể được tính theo thời kỳ hoặc vào mỗi khi nhập một lô hàng, phụ thuộc vào tình hình của doanh nghiệp.

$$\begin{aligned} \text{Đơn giá} &= \frac{\text{Trị giá SP, HH tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá SP, HH nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng SP, HH tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng SP, HH nhập trong kỳ}} \end{aligned}$$

+) Phương pháp bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập (Bình quân liên hoàn).

Sau mỗi lần nhập sản phẩm, vật tư, hàng hoá, kế toán phải xác định lại giá trị thực của hàng tồn kho và giá đơn vị bình quân. Giá đơn vị bình quân được tính theo công thức sau:

$$\begin{aligned} \text{Đơn giá} &= \frac{\text{Trị giá sản phẩm, hàng hóa tồn sau mỗi lần nhập}}{\text{Số lượng, hàng hóa thực tế tồn kho sau mỗi lần nhập}} \end{aligned}$$

c, Phương pháp thực tế đích danh:

Theo phương pháp này sản phẩm, vật tư, hàng hoá xuất kho thuộc lô hàng nhập nào thì lấy đơn giá nhập kho của lô hàng đó để tính. Đây là phương án tốt nhất, nó tuân thủ nguyên tắc phù hợp của kế toán, chi phí thực tế phù hợp với doanh thu thực tế. Giá trị của hàng xuất kho đem bán phù hợp với doanh thu mà nó tạo ra. Hơn nữa, giá trị hàng tồn kho được phản ánh đúng theo giá trị thực tế của nó.

d, Phương pháp đơn giá bán lẻ:

Giá gốc hàng tồn kho được xác định bằng cách lấy giá bán của hàng tồn kho trừ đi lợi nhuận biên theo tỷ lệ phần trăm hợp lý. Tỷ lệ được sử dụng có tính đến các mặt hàng đó bị hạ giá xuống thấp hơn giá bán ban đầu của nó. Thông thường mỗi bộ phận bán lẻ sẽ sử dụng một tỷ lệ phần trăm bình quân riêng. Phương pháp này giúp cho việc tính giá hàng hoá được dễ dàng trong trường hợp có nhiều mặt hàng hoặc nhiều chủng loại hàng hoá khác nhau mà các doanh nghiệp không thể xác định ngay được giá vốn của hàng hoá. Phương pháp giá bán lẻ áp dụng trong ngành bán lẻ để tính giá trị hàng tồn kho với số lượng lớn các mặt hàng thay đổi nhanh chóng và có lợi nhuận biên tương tự mà không thể sử dụng các phương pháp tính giá gốc khác như các đơn vị kinh doanh siêu thị.

❖ Chứng từ kế toán sử dụng:

- + Phiếu xuất kho;
- + Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ;
- + Các chứng từ khác có liên quan.

❖ **Tài khoản sử dụng:**

- **TK 632 – “ Giá vốn hàng bán”:** Giá vốn hàng là giá thực tế xuất kho của sản phẩm hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành và đã được xác định và các khoản khác được tính vào giá vốn để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

✓ *Kết cấu TK 632:*

Bên Nợ:

- + Trị giá vốn của hàng hoá, lao vụ, dịch vụ đã xuất bán theo hóa đơn;
- + Phản ánh chi phí Nguyên vật liệu; chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ không được tính vào trị giá hàng tồn kho và phải tính vào giá vốn hàng bán của kỳ kế toán;
- + Phản ánh khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra;
- + Phản ánh khoản chênh lệch dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính;
- + Phản ánh chi phí tự xây dựng, tự chế TSCĐ vượt lên mức bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình tự xây dựng, tự chế hoàn thành.

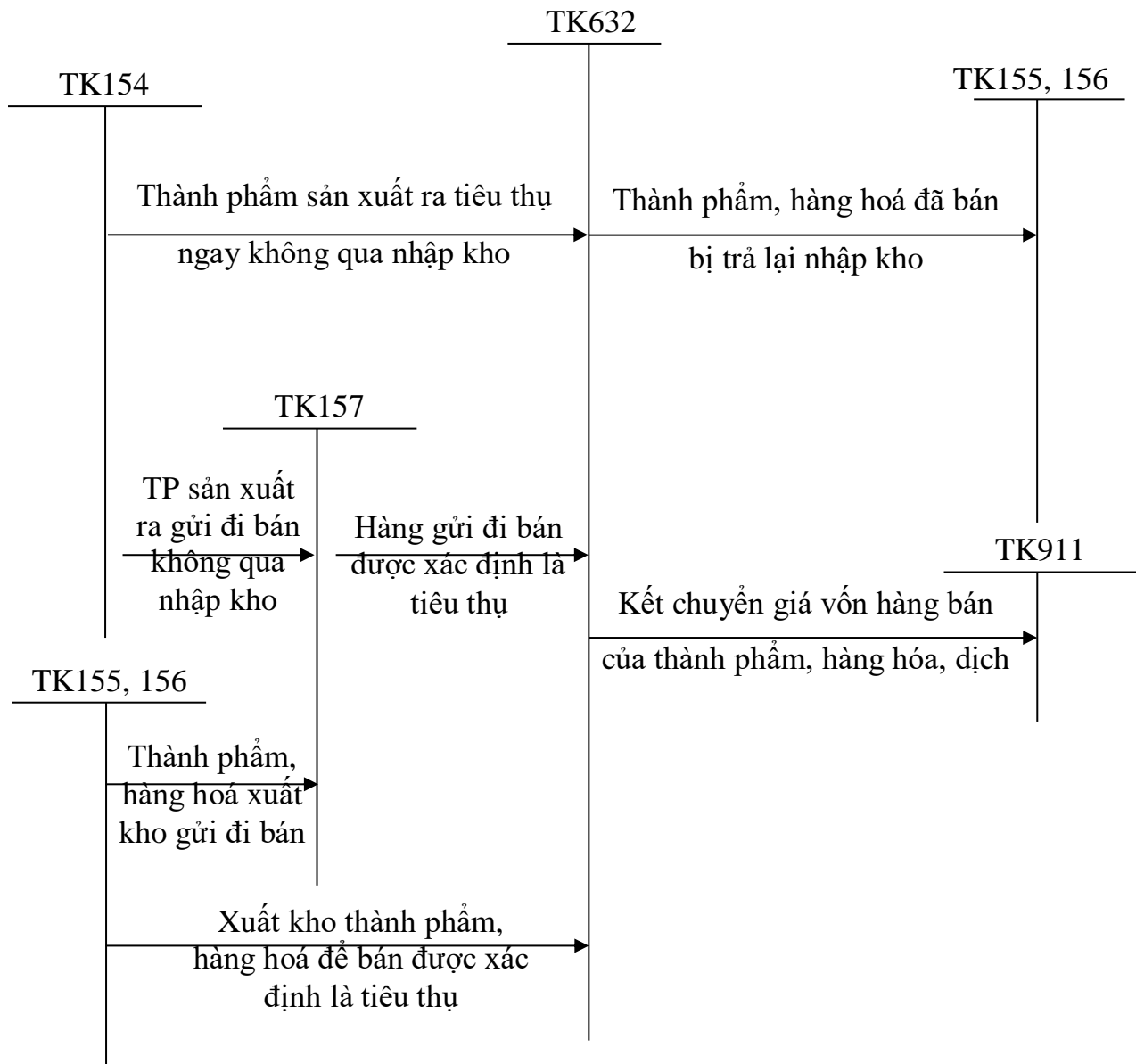
Bên Có:

- + Kết chuyển giá vốn của hàng hoá đã gửi bán nhưng chưa được xác định là tiêu thụ;
- + Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước);
- + Kết chuyển giá vốn của hàng hoá đã xuất bán vào bên Nợ Tài khoản

911

Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ.

❖ Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.5: Sơ đồ trình tự hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên



Sơ đồ 1.6: Sơ đồ trình tự hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ

1.2.3. Kế toán chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp.

1.2.3.1. Kế toán chi phí bán hàng

❖ **Chứng từ kế toán sử dụng:**

- + Bảng phân bổ tiền lương;
- + Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ;
- + Hóa đơn GTGT;
- + Phiếu chi...

❖ **Tài khoản sử dụng:**

- ✓ TK 641 – “ Chi phí bán hàng” có 7 tài khoản cấp 2:
 - + Tài khoản 6411 – Chi phí nhân viên.
 - + Tài khoản 6412 – Chi phí vật liệu, bao bì.
 - + Tài khoản 6413 – Chi phí dụng cụ, đồ dung.
 - + Tài khoản 6414 – Chi phí khấu hao TSCĐ.
 - + Tài khoản 6415 – Chi phí bảo hành.
 - + Tài khoản 6417 – Chi phí dịch vụ mua ngoài.
 - + Tài khoản 6418 – Chi phí bằng tiền khác.
- ✓ *Kết cấu TK 641:*

Bên Nợ:

Tập hợp các chi phí phát sinh liên quan đến quá trình mua bán và tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Bên Có:

Các khoản giảm chi phí bán hàng.

Kết chuyển chi phí bán hàng vào Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh” để tính kết quả kinh doanh trong kỳ.

TK 641 không có số dư cuối kỳ.

TK 641 được mở chi tiết theo từng nội dung chi phí như: Chi phí nhân viên, vật liệu; khấu hao TSCĐ; dịch vụ mua ngoài,...

1.2.3.2. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp:

❖ **Chứng từ kế toán sử dụng:**

- + Bảng phân bổ tiền lương và BHXH;

- + Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ;
- + Bảng phân bổ NVL – CC, DC;
- + Hóa đơn GTGT;
- + Phiếu chi;
- + Chứng từ kế toán khác có liên quan.

❖ **Tài khoản sử dụng:**

- ✓ *TK 642 – “ Chi phí quản lý doanh nghiệp” có 8 tài khoản cấp 2:*
 - + TK 6421 – Chi phí nhân viên quản lý.
 - + TK 6422 – Chi phí vật liệu quản lý.
 - + TK 6423 – Chi phí đồ dùng văn phòng.
 - + TK 6424 – Chi phí khấu hao tài sản cố định.
 - + TK 6425 – Thuế, phí và lệ phí.
 - + TK 6426 – Chi phí dự phòng.
 - + TK 6427 – Chi phí dịch vụ mua ngoài.
 - + TK 6428 – Chi phí tiền khác.
- ✓ *Kết cấu TK 642:*

Bên Nợ:

Các chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ;

Dự phòng trợ cấp mất việc làm.

Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết);

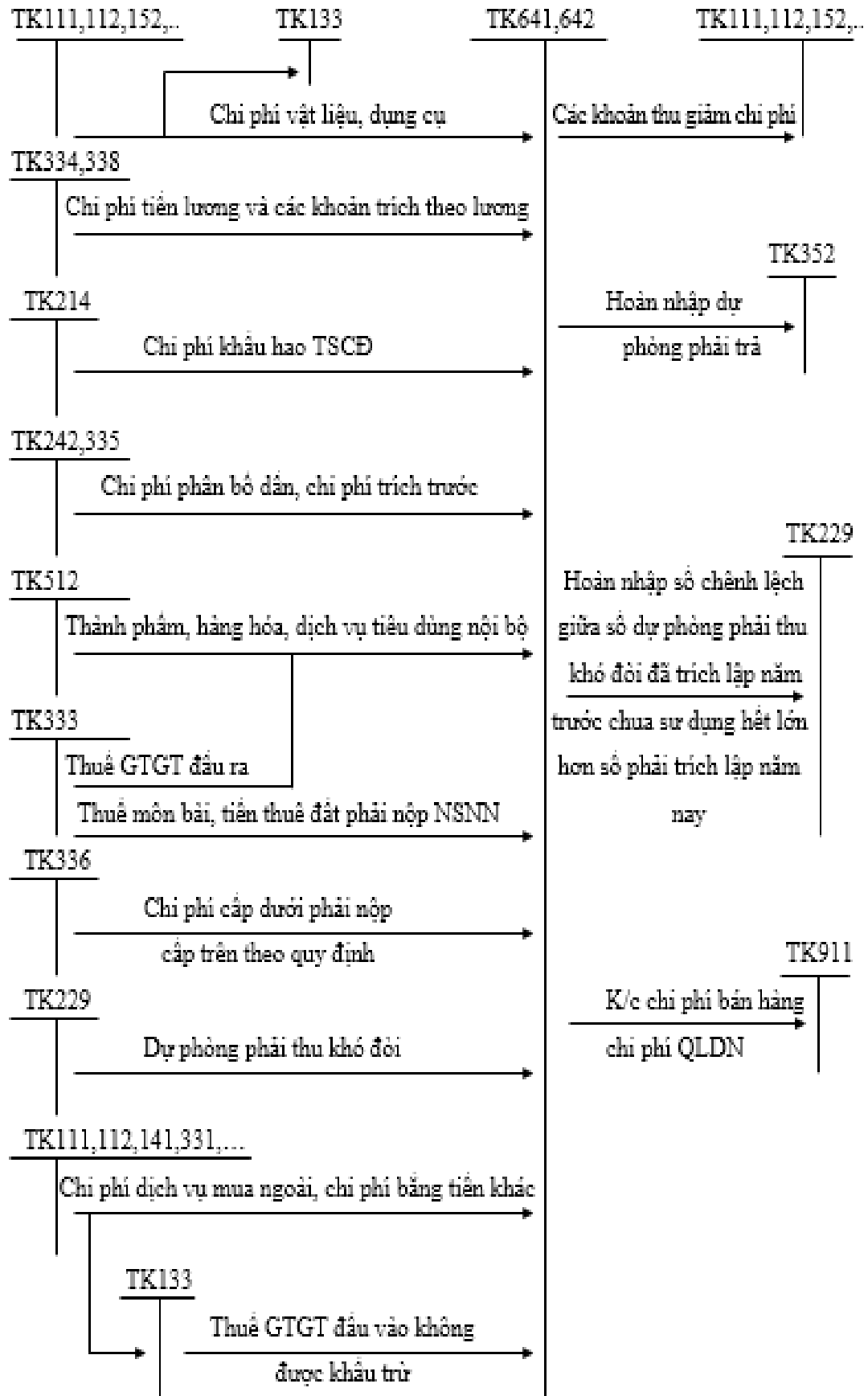
Bên Có:

Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết);

Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ.

❖ **Phương pháp hạch toán CPBH, CP QLDN**



Sơ đồ 1.7: Sơ đồ trình tự hạch toán chi phí bán hàng, quản lý doanh nghiệp

1.2.4. Nội dung kế toán doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động tài chính

1.2.4.1 Nội dung kế toán doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính là các khoản lợi ích kinh tế phát sinh liên quan đến hoạt động về vốn là đầu tư tài chính.

❖ **Chứng từ sử dụng:**

- + Giấy báo lãi, giấy báo Có của Ngân hàng;
- + Bản sao kê của Ngân hàng;
- + Phiếu kế toán;
- + Phiếu thu và các chứng từ khác có liên quan.

❖ **Tài khoản sử dụng:**

Bên Nợ:

- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có);
- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang Tài khoản 911

Bên Có:

Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết;

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia;

Chiết khấu thanh toán được hưởng;

Lãi tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh;

Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh;

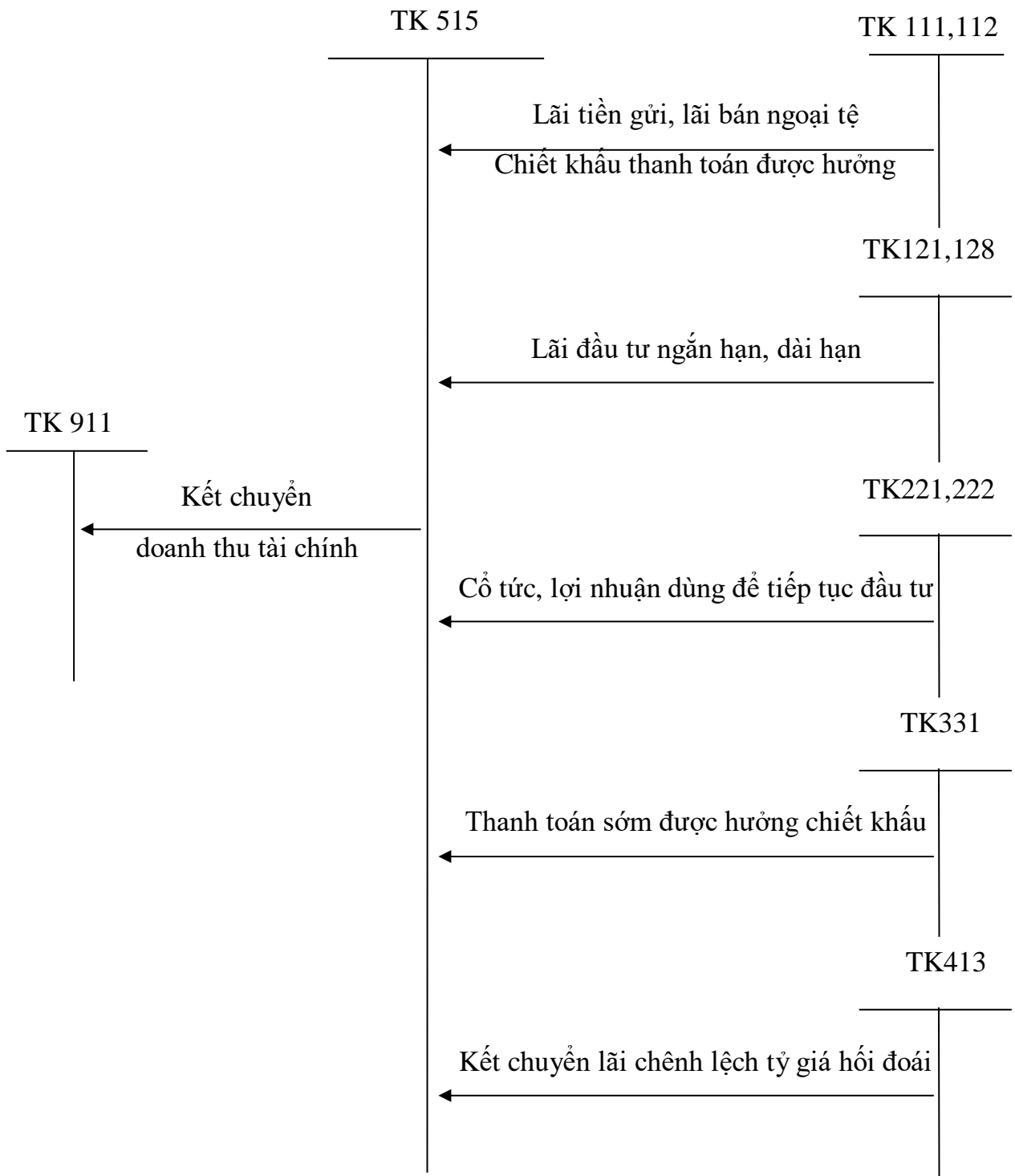
Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh khi bán ngoại tệ;

Kết chuyển hoặc phân bổ lãi tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCB (giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào doanh thu hoạt động tài chính;

Doanh thu hoạt động tài chính khác phát sinh trong kỳ.

Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ.

❖ Phương pháp hạch toán:



Sơ đồ 1.8: Sơ đồ trình tự hạch toán doanh thu hoạt động tài chính

1.2.4.2. *Kế toán chi phí hoạt động tài chính.*

Chi phí hoạt động tài chính là các khoản chi phí phát sinh liên quan đến hoạt động về vốn và đầu tư tài chính.

❖ **Chứng từ sử dụng:**

- + Giấy báo Nợ của Ngân hàng;
- + Hóa đơn GTGT;
- + Phiếu kế toán;
- + Phiếu chi và các chứng từ khác có liên quan.

❖ **Tài khoản sử dụng:** TK 635 – “ Chi phí hoạt động tài chính”

Kết cấu tài khoản:

Bên Nợ:

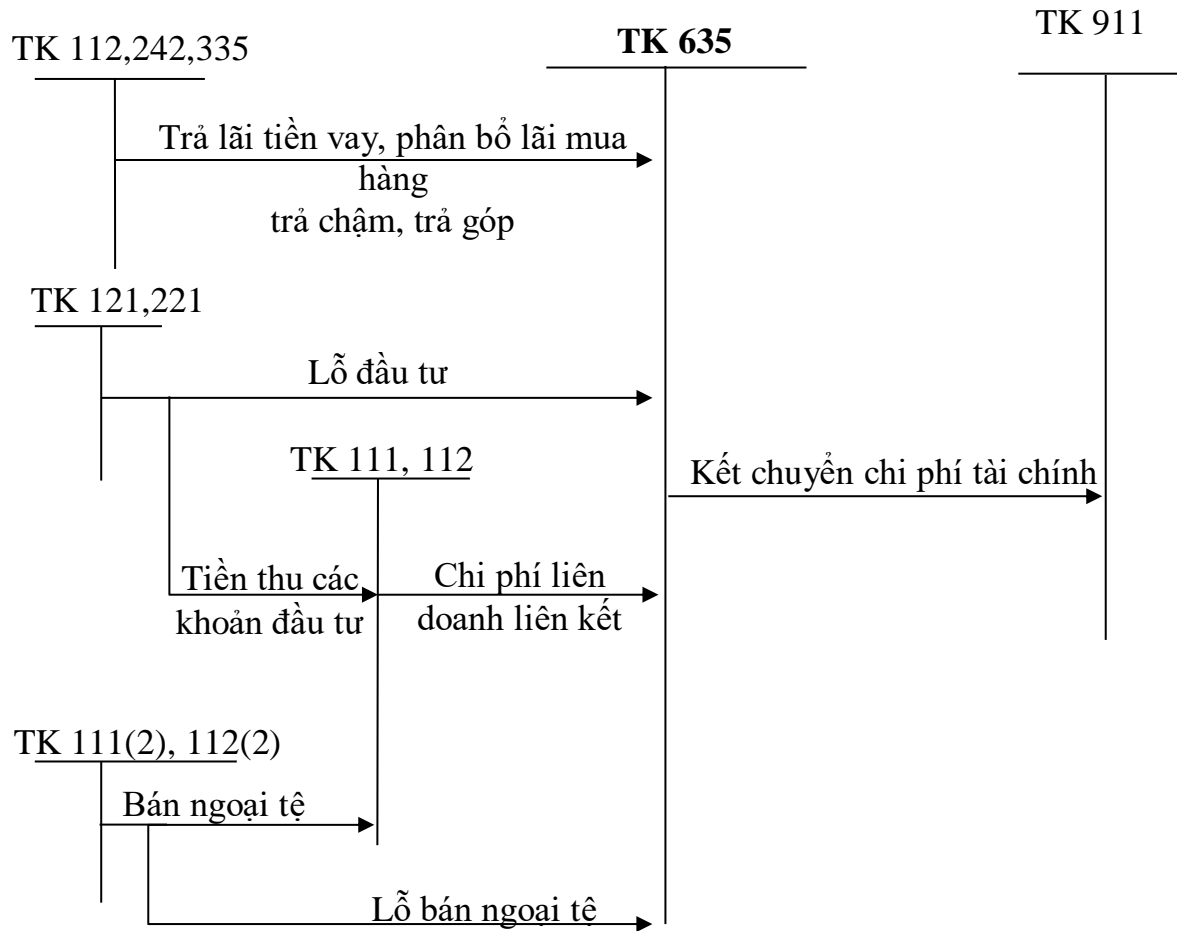
- Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính;
- Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư;
- Chiết khấu thanh toán cho người mua;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết);
- Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh (Lỗ tỷ giá hối đoái đã thực hiện); Lỗ bán ngoại tệ;
- Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh (Lỗ tỷ giá hối đoái chưa thực hiện);
- Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác.

Bên Có:

- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết);
- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ.

❖ **Phương pháp hạch toán:**



Sơ đồ 1.9: Sơ đồ trình tự hạch toán chi phí tài chính

1.2.5. Nội dung kế toán thu nhập, chi phí và hoạt động khác

1.2.5.1. Kế toán thu nhập hoạt động khác.

Thu nhập hoạt động khác: Là các khoản thu nhập không phải là doanh thu của doanh nghiệp, đây là khoản thu nhập được tạo ra từ hoạt động khác ngoài hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp.

❖ **Chứng từ sử dụng:**

- + Hóa đơn GTGT;
- + Phiếu thu, Phiếu chi;
- + Giấy báo Có của Ngân hàng;...
- + Các chứng từ liên quan : Biên bản thanh lý tài sản cố định; ...

❖ **Tài khoản sử dụng:**

- ✓ TK 711 – “ Thu nhập khác”
- ✓ Kết cấu của TK 711:

Bên Nợ:

Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp.

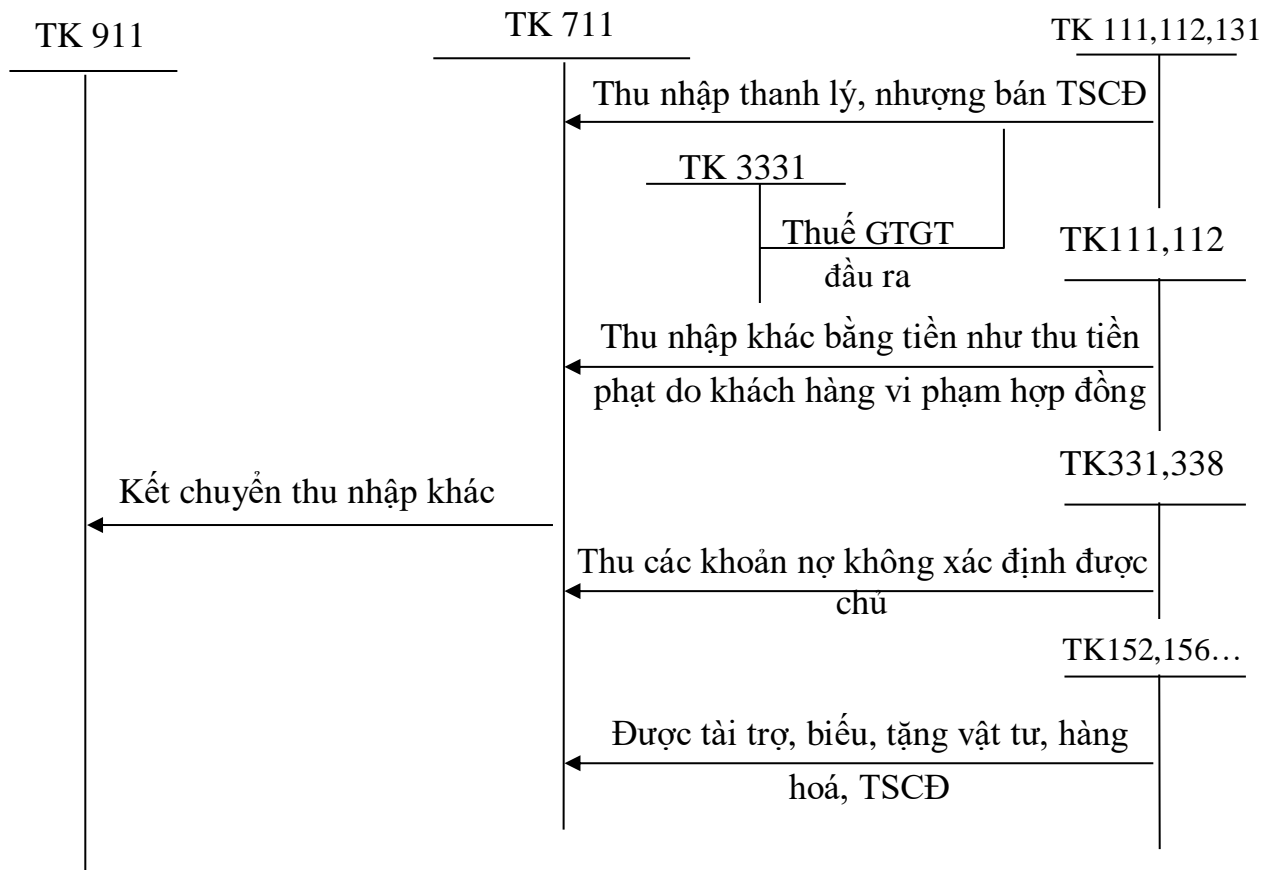
Cuối kỳ kế toán, kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang Tài khoản 911 – “Xác định kết quả kinh doanh”.

Bên Có:

Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.

Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ.

❖ Phương pháp hạch toán:



Sơ đồ 1.10: Sơ đồ trình tự hạch toán thu nhập hoạt động khác

1.2.5.2. Kế toán chi phí hoạt động khác.

Chi phí hoạt động khác: Là các khoản chi phí của các hoạt động ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra doanh thu của doanh nghiệp. Đây là những khoản lỗ do các sự kiện hay các nghiệp vụ khác biệt với các hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp.

❖ **Chứng từ sử dụng:**

- + Hóa đơn GTGT;
- + Phiếu chi; Ủy nhiệm chi;
- + Giấy báo Nợ của Ngân hàng;
- + Phiếu kế toán và các chứng từ khác có liên quan.

❖ **Tài khoản sử dụng:**

- ✓ *Kết cấu của TK 811*

Bên Nợ:

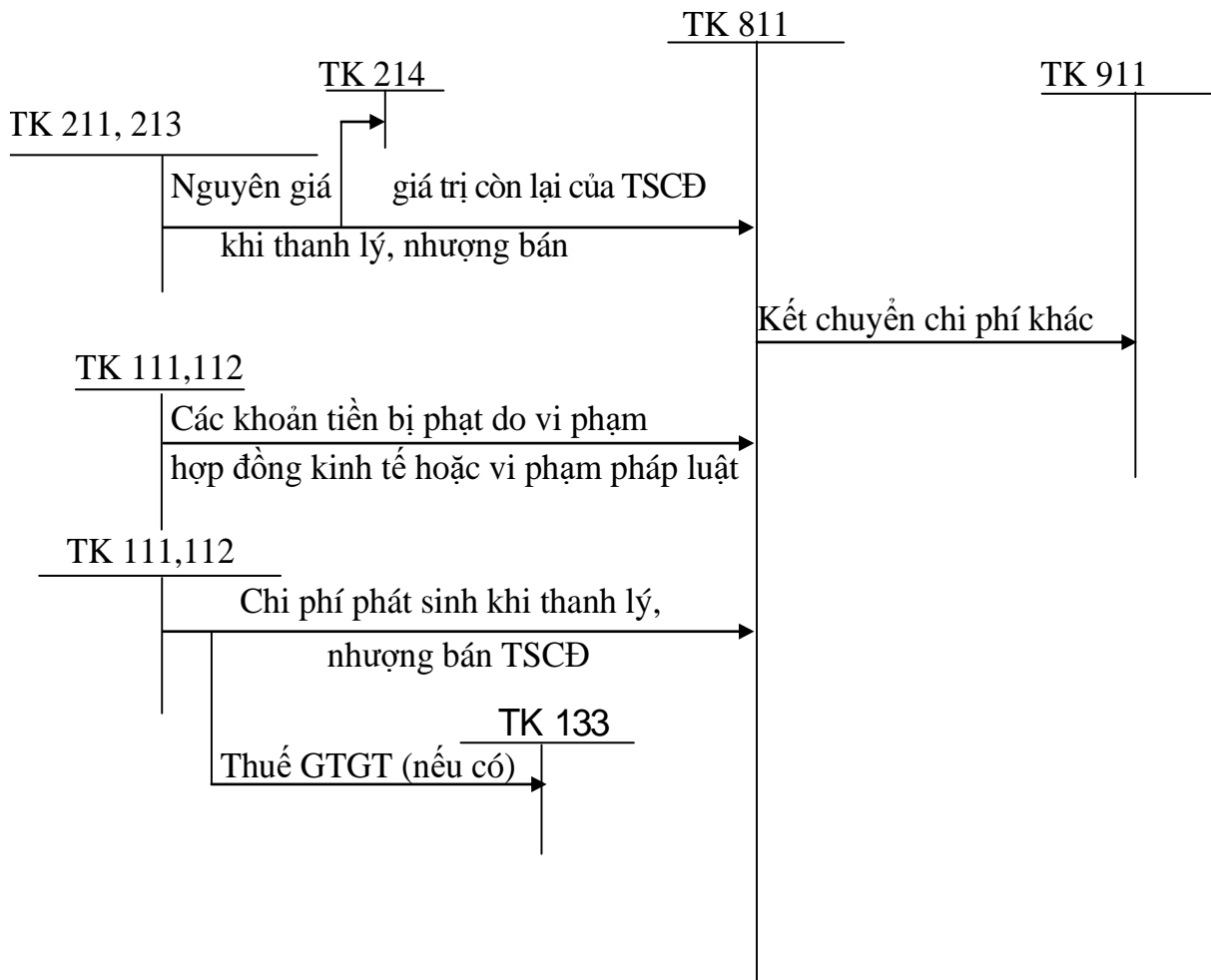
Tập hợp các khoản chi phí khác phát sinh.

Bên Có:

Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ sang Tài khoản 911 – “Xác định kết quả kinh doanh”.

Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ.

❖ Phương pháp hạch toán:



Sơ đồ 1.11: Sơ đồ trình tự hạch toán chi phí hoạt động khác

1.2.6. Kế toán tổng hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh toàn doanh nghiệp

* Chứng từ sử dụng:

- + Phiếu kế toán
- + Quyết định xử lý lỗ các năm trước
- + Quyết định trích lập các quỹ trong doanh nghiệp
- + Các biên bản, hợp đồng về việc chia lợi nhuận
- + Các chứng từ khác có liên quan

* Tài khoản sử dụng

Tài khoản 821 – Chi phí thuế TNDN hiện hành

Tài khoản này dùng để phản ánh chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định KQKD của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành

Kế cấu tài khoản 821:

Nợ	TK 821 – CP thuế TNDN hiện hành	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Thuế TNDN phải nộp tính vào CP thuế TNDN hiện hành phát sinh trong năm - CP thuế TNDN của các năm trước phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót 		<ul style="list-style-type: none"> - Kết chuyển CP thuế TNDN hiện hành vào bên nợ của TK911 – xác định kết quả kinh doanh

TK 821 không có số dư cuối kỳ

Tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh

Tài khoản này dùng để xác định và phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán

Kết cấu tài khoản:

Nợ	TK 911 – xác định KQKD	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Kết chuyển giá vốn hàng bán, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí QLDN, chi phí khác - Kết chuyển lãi 	<ul style="list-style-type: none"> - Tổng Doanh thu thuần tiêu thụ trong kỳ. - Tổng doanh thu thuần hoạt động tài chính và hoạt động khác - Kết chuyển Lỗ 	

Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ

Tài khoản 421: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

Tài khoản này dùng để phản ánh kết quả kinh doanh (lợi nhuận, lỗ) sau thuế TNDN và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp

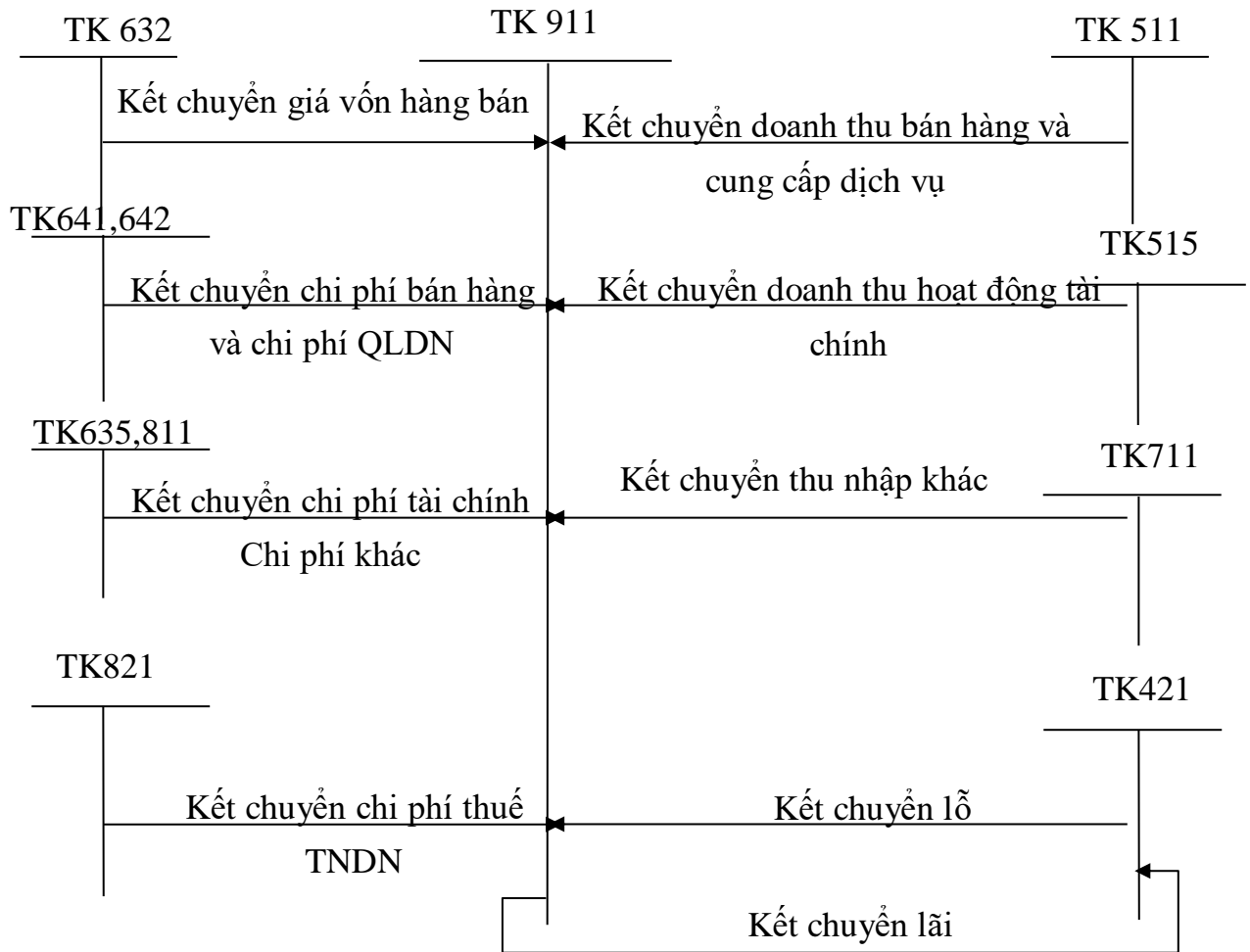
Kết cấu tài khoản

Nợ	TK 421 – LNST chưa phân phối	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Số lỗ về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp - Trích lập các quỹ của doanh nghiệp - Chia cổ tức, lợi nhuận cho các chủ sở hữu - Bổ sung vốn đầu tư của CSH 	<ul style="list-style-type: none"> - Số lợi nhuận thực tế của hoạt động kinh doanh trong kỳ - Xử lý các khoản lỗ về hoạt động kinh doanh 	

Tài khoản cấp 2:

- + TK 4211: Lợi nhuận chưa phân phối năm trước
- + TK 4212: Lợi nhuận chưa phân phối năm nay

❖ Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.12: Sơ đồ trình tự hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh toàn doanh nghiệp

1.3. Đặc điểm kế toán doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động kinh doanh theo các hình thức kế toán

Theo chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo TT 200/2014 của Bộ tài chính, doanh nghiệp được phép tự xây dựng hệ thống sổ sách kế toán cho riêng mình. Trong trường hợp doanh nghiệp không tự xây dựng được thì có thể áp dụng hệ thống sổ sách theo một trong 5 hình thức kế toán sau:

- Hình thức kế toán Nhật ký chung
- Hình thức kế toán Nhật ký – sổ cái
- Hình thức kế toán Nhật ký chứng từ
- Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ
- Hình thức kế toán máy

1.3.1. Hình thức Nhật ký chung

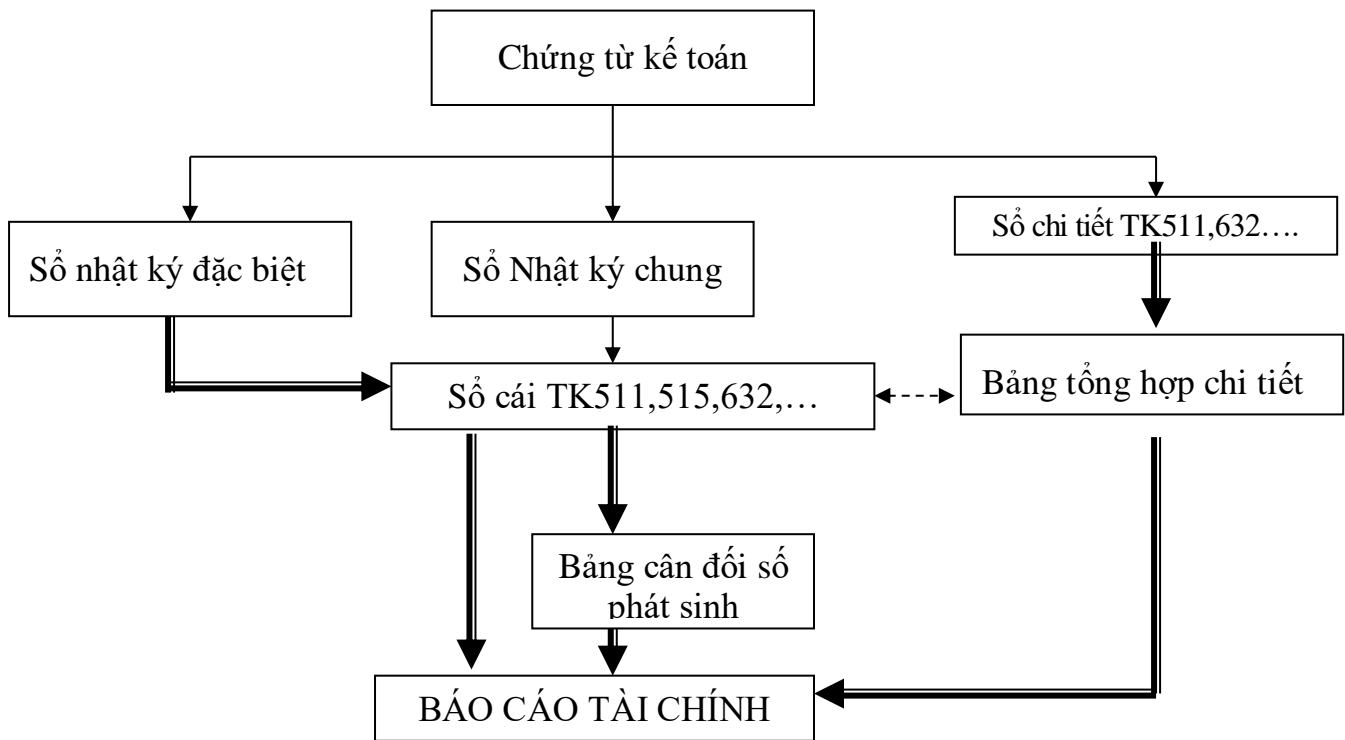
Hình thức Sổ Nhật ký chung phù hợp với các loại hình doanh nghiệp, dễ vận dụng tin học trong công tác kế toán.

Theo hình thức sổ này tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian được phản ánh vào sổ Nhật ký chung, sau đó số liệu từ Nhật ký chung sẽ được dùng để vào sổ cái.

Ngoài Nhật ký chung để phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo thời gian người ta còn có thể mở thêm sổ nhật ký đặc biệt để phản ánh các đối tượng có số lượng nghiệp vụ phát sinh lớn, thường xuyên nhằm giảm bớt khối lượng

Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm các loại sổ sách chủ yếu sau:

- Sổ Nhật ký chung, Sổ Nhật ký đặc biệt;
- Sổ Cái;
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.



- Ghi chú:**
- > Ghi hàng ngày
 - ====> Ghi hàng tuần, hàng tháng, hoặc định kỳ
 - ←-----> Đối chiếu

Sơ đồ 1.13 : Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Nhật ký chung

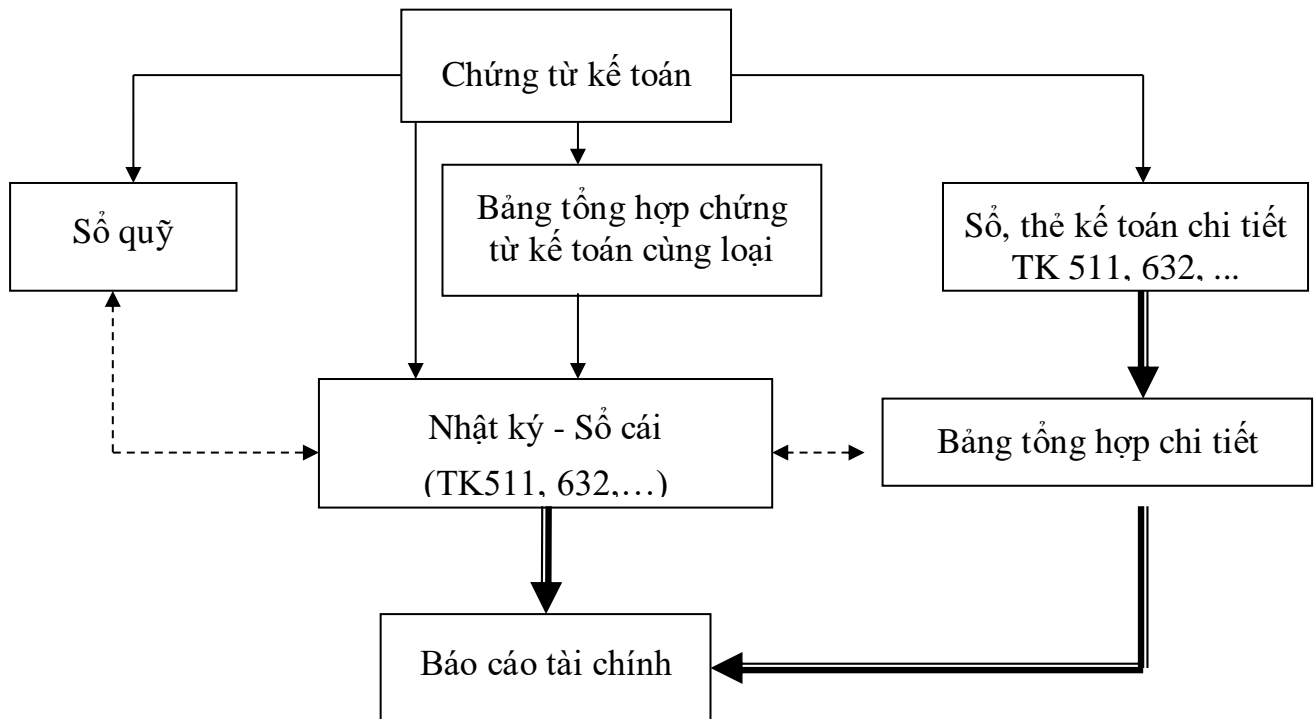
1.3.2. Hình thức Nhật ký – Sổ cái

Hình thức Nhật ký sổ cái thường được vận dụng trong các doanh nghiệp có quy mô nhỏ, nghiệp vụ kinh tế phát sinh ít, trình độ cán bộ quản lý và cán bộ kế toán không cao.

Theo hình thức sổ này thì toàn bộ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo thời gian được phản ánh trên cùng một vài trang sổ Nhật ký - Sổ cái. Đây là sổ tổng hợp duy nhất. Toàn bộ các nghiệp vụ tài khoản mà doanh nghiệp sử dụng sẽ được phản ánh trên Nhật ký sổ cái. Mỗi một chứng từ sẽ được phản ánh một dòng trên Nhật ký - sổ cái. Căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký - Sổ Cái là các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái gồm các loại sổ sách chủ yếu sau:

- Nhật ký - Sổ Cái;
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.



- Ghi chú:**
- > Ghi hàng ngày
 - ====> Ghi hàng tuần, hàng tháng, hoặc định kỳ
 - ←-----> Đối chiếu

Sơ đồ 1.14: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Nhật ký Sổ cái

1.3.3. Đặc điểm kế toán thanh toán theo hình thức Nhật ký – Chứng từ:

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký- Chứng từ (NKCT):

- Tập hợp và hệ thống hóa các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên Có của các tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản đối ứng Nợ.

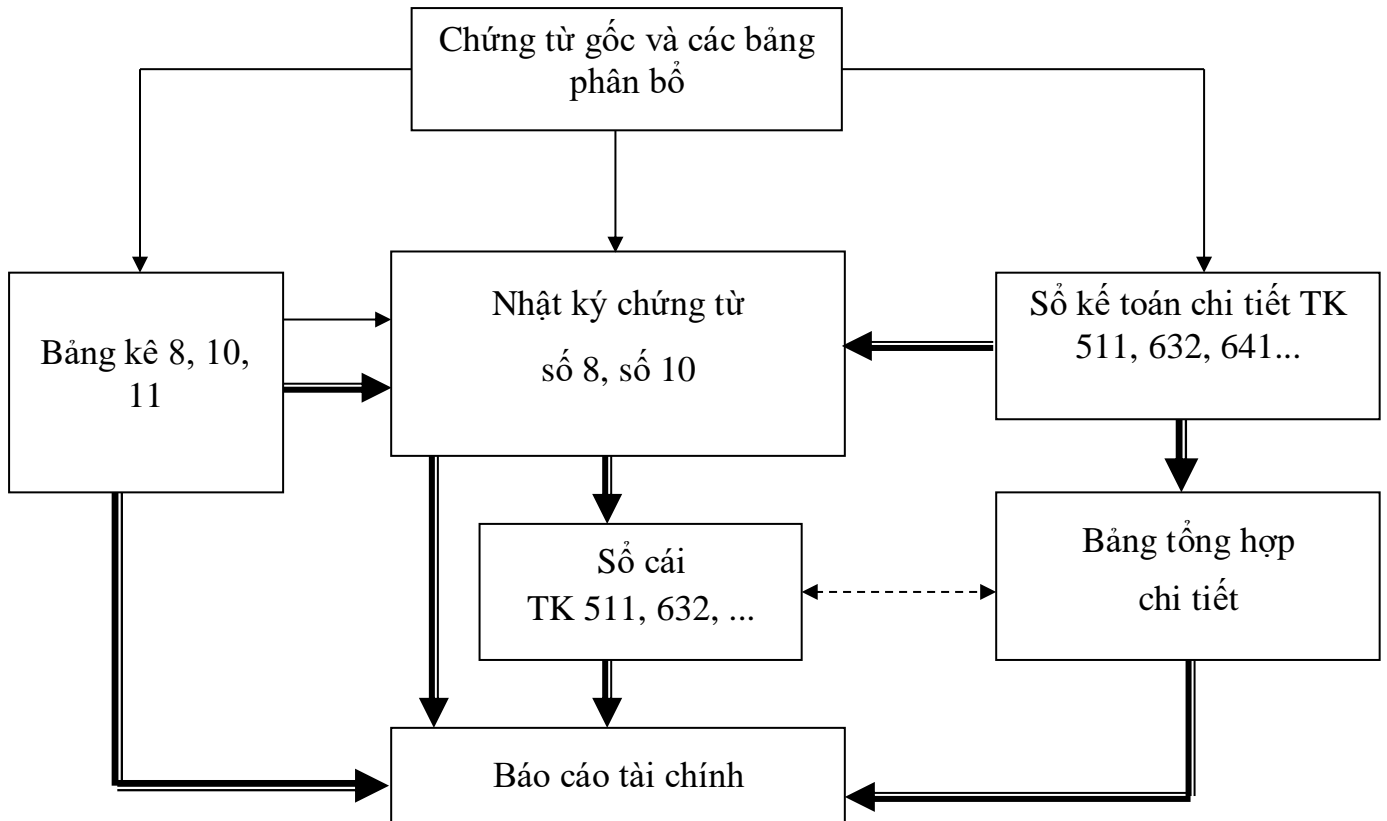
- Kết hợp chặt chẽ việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian với việc hệ thống hóa các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế (theo tài khoản).

- Kết hợp rộng rãi việc hạch toán tổng hợp với hạch toán chi tiết trên cùng một sổ kế toán và trong cùng một quá trình ghi chép.

- Sử dụng các mẫu sổ in sẵn các quan hệ đối ứng tài khoản, chỉ tiêu quản lý kinh tế, tài chính và lập báo cáo tài chính.

Hình thức kế toán Nhật ký- Chứng từ gồm có các loại sổ kế toán sau:

- Nhật ký chứng từ; Bảng kê; Sổ cái; Sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết.



Ghi chú:

- > Ghi hàng ngày
- > Ghi hàng tuần, hàng tháng, hoặc định kỳ
- > Đối chiếu

Sơ đồ 1.15: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu - chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Nhật ký chứng từ

1.3.4. Đặc điểm kế toán thanh toán theo hình thức Chứng từ ghi sổ

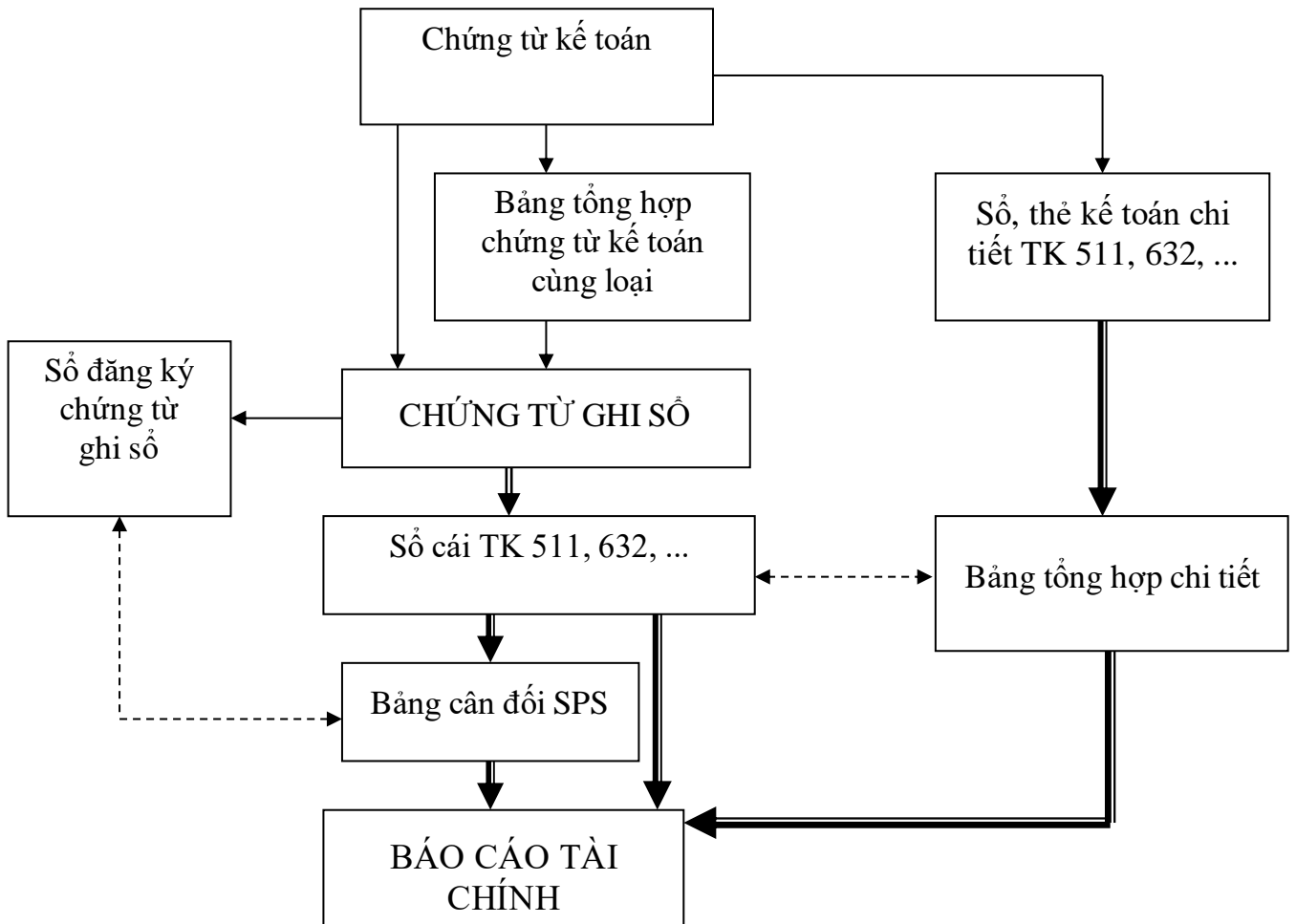
Hình thức này phù hợp với các doanh nghiệp có quy mô vừa và lớn với mọi trình độ quản lý và trình độ kế toán, phù hợp với cả kế toán thủ công và kế toán máy.

- Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.

- Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo số thứ tự trong Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ gồm các loại sổ sách chủ yếu sau:

- Chứng từ ghi sổ; Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ; Sổ Cái; Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.



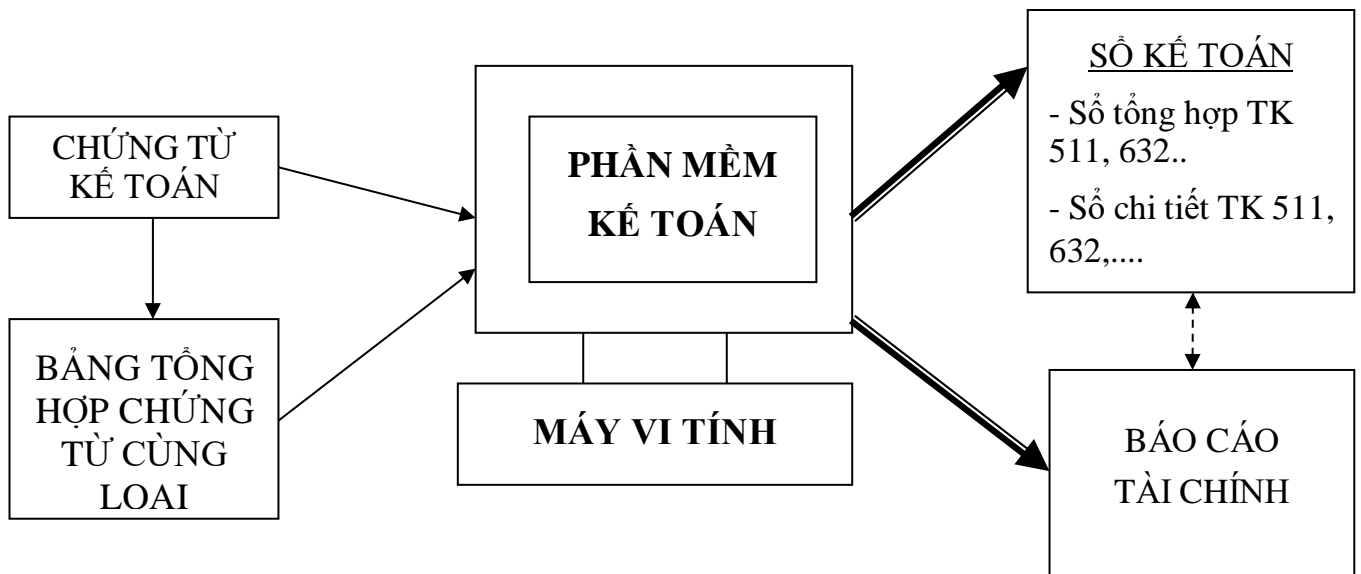
Ghi chú:

- > Ghi hàng ngày
- ====> Ghi hàng tuần, hàng tháng, hoặc định kỳ
- ←-----> Đối chiếu

Sơ đồ 1.16: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu - chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

1.3.5. Đặc điểm kế toán thanh toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính

Đặc trưng cơ bản của Hình thức kế toán trên máy vi tính là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.



- Ghi chú:**
- > Ghi hàng ngày
 - ====> Ghi hàng tuần, hàng tháng, hoặc định kỳ
 - ←-----> Đối chiếu

Sơ đồ 1.17: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu - chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán máy

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VÀ VẬN TẢI TÙNG ANH

2.1. Khái quát chung về công ty TNHH Dịch vụ và vận tải Tùng Anh

2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển

Công ty TNHH Dịch vụ và vận tải Tùng Anh được thành lập vào năm 2013 với đăng ký giấy phép kinh doanh 0201300846 theo quyết định số 427/QP ngày 19/03/1985 của Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Thành Phố Hải Phòng.

- Tên công ty: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DỊCH VỤ VÀ VẬN TẢI TÙNG ANH

- Đăng ký kinh doanh ngày: 06/06/2013

- Mã số thuế : 0201300846

- Địa chỉ : Thôn Nam Bình, xã An Hưng, huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng

- Điện thoại : 02253.282.107

Công ty TNHH dịch vụ và vận tải Tùng Anh là đơn vị hạch toán độc lập, có tư cách pháp nhân, được mở các tài khoản tại ngân hàng trong và ngoài nước, được sử dụng con dấu riêng theo mẫu quy định của ngân hàng.

Đi vào hoạt động được 4 năm cùng với sự phát triển đi lên của nền kinh tế đất nước, sự hòa nhập trong công cuộc đổi mới, công ty đã không ngừng phát triển đi lên cùng sự phát triển của đất nước và đạt được những thành quả đáng ghi nhận. Công ty luôn hoàn thành kế hoạch đã đề ra, bảo toàn và phát triển nguồn vốn đồng thời luôn mang lại lợi ích cho người lao động. Bên cạnh đó công ty không ngừng hoàn thiện và nâng cao chất lượng, số lượng đội ngũ công nhân viên, trang thiết bị máy móc hiện đại hơn đảm bảo cho quá trình kinh doanh của công ty. Qua đó cho thấy sự phát triển mạnh mẽ, vượt bậc của công ty trong thời gian qua và giúp công ty khẳng định được vị thế, đứng vững trên thị trường.

Công ty đã quyết định lựa chọn lĩnh vực kinh doanh vận chuyển hàng hóa bằng xe Container và các dịch vụ đi kèm. Công ty hoạt động trong vòng xoáy cạnh tranh của thị trường, đi kèm với những cơ hội là thách thức của sân chơi lớn mở ra cho các doanh nghiệp.

Trải qua 4 năm xây dựng và phát triển, công ty đã đạt được những thành quả nhất định trong lĩnh vực kinh doanh của mình. Suốt thời gian đó, bên cạnh những thuận lợi công ty cũng gặp không ít những khó khăn.

• **Thuận lợi**

- Sự quan tâm chỉ đạo sâu sát của ban giám đốc và các công ty hợp tác.
- Công ty có đội ngũ cán bộ công nhân viên trẻ, năng động, có thời gian công tác lâu năm, có tinh thần đoàn kết năng động sáng tạo và ý thức trách nhiệm trong công việc.
- Công ty đã khai thác, tận dụng lợi thế của mình để tăng nguồn vốn của mình. Công ty luôn gương mẫu và ưu tiên hàng đầu trong việc nộp các khoản thuế, phí, lệ phí cho Ngân sách nhà nước và thu nhập ổn định cho công nhân viên.

- Chính vì thế đã tạo ra uy tín và được khách hàng đánh giá rất cao.

• **Khó khăn**

- Ngay từ ngày đầu thành lập công ty đã bị ảnh hưởng của suy thoái nền kinh tế trong và ngoài nước khiến công ty gặp khó khăn trong việc phát triển khách hàng.

- Trên địa bàn có rất nhiều doanh nghiệp cùng kinh doanh trong lĩnh vực này, do đó đối thủ cạnh tranh tương đối lớn đòi hỏi công ty cần làm tốt công tác thị trường và dịch vụ chăm sóc khách hàng để thu hút khách hàng.

Trong giai đoạn hiện nay Ban lãnh đạo và toàn thể nhân viên công ty luôn cố gắng nỗ lực khắc phục khó khăn, nâng cao hiệu quả kinh doanh.

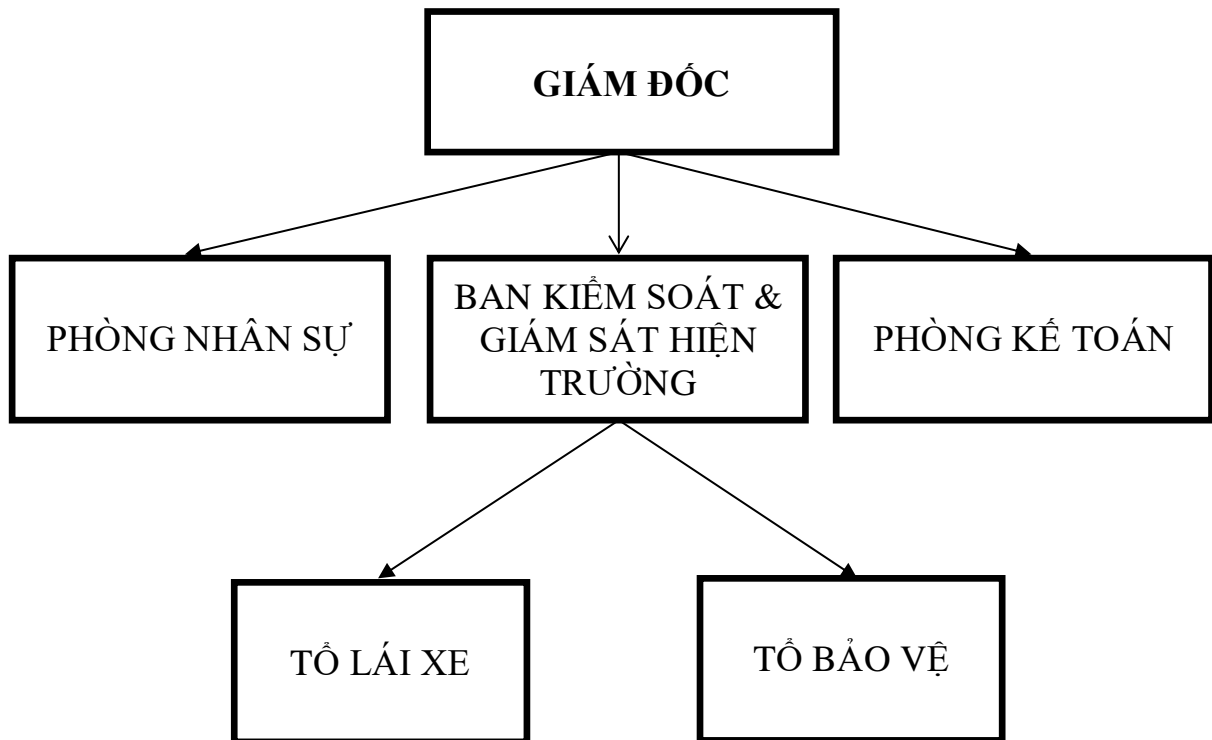
2.1.2. Ngành nghề kinh doanh

STT	Tên Ngành	Mã ngành
1	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511

2	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	45200
3	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
4	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
5	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
6	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
7	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
8	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
9	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
10	Vận tải hành khách ven biển và viễn dương	5011
11	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
12	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
13	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
14	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
15	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ	5221
16	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
17	Bốc xếp hàng hóa	5224
18	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
19	Cho thuê xe có động cơ	7710

2.1.3 Mô hình tổ chức bộ máy quản lý công ty

Tổ chức bộ máy quản lý của công ty có vai trò quan trọng trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp tạo nên sự thống nhất nhịp nhàng giữa các bộ phận trong doanh nghiệp. Đảm bảo cho việc tăng cường công tác kiểm tra giám sát chỉ đạo và nâng cao hiệu quả kinh doanh, doanh nghiệp đã thiết lập một bộ máy quản lý gọn nhẹ nhất.



Sơ đồ 2.1: Mô hình tổ chức bộ máy quản lý Công ty TNHH Dịch vụ và vận tải Tùng Anh

Chức năng và nhiệm vụ của các phòng ban

Giám đốc: Là người đại diện pháp luật công ty. Chịu trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo chung với Công ty

Bộ phận nhân sự : Tổ chức thực hiện các việc trong lĩnh vực tổ chức lao động, quản lý và bố trí nhân lực, bảo hộ lao động, chế độ chính sách, chăm sóc sức khỏe cho người lao động, bảo vệ quân sự theo luật và quy chế công ty.

Ban kiểm soát và giám sát hiện trường : Tổ chức nghiên cứu, áp dụng quy trình về hệ thống đo lường chất lượng, kiểm tra, giám sát chặt chẽ quy trình bốc xếp dỡ hàng hóa tại Cảng. Theo dõi tình hình vận chuyển, điều hành, sắp xếp các xe của Công ty bảo đảm yêu cầu nhanh chóng, theo trình tự hợp lý. Quản lý, phân chia, theo dõi công việc của các Tổ lái xe, Tổ bảo vệ, Tổ bốc vác, Tổ giám sát hiện trường. Tiến hành tổng kết, đánh giá chất lượng, số lượng sản phẩm vận chuyển hàng hóa hàng tháng, tìm ra những nguyên nhân tốt hoặc

không tốt để đưa ra biện pháp khắc phục. Xây dựng và duy trì hệ thống quản lý chất lượng, đảm bảo hài lòng khách hàng. Thực hiện quản lý, giám sát hàng hóa trên Cảng, đề phòng trộm cắp. Cân, đo, đếm đúng, đủ khối lượng hàng cần vận chuyển tránh gian lận. Quản lý công việc trên công trường đảm bảo đúng kỹ thuật, chất lượng, an toàn, đúng tiến độ. Quản lý, giám sát toàn bộ hoạt động trên hiện trường. Lập tiến độ chi tiết, triển khai tổ chức thực hiện theo đúng kế hoạch để đảm bảo tiến độ như đã cam kết. Chịu trách nhiệm về mặt, chất lượng, khối lượng, an toàn lao động và vệ sinh môi trường trên Cảng.

Phòng kế toán: Làm công tác kiểm tra kiểm soát việc thực hiện các chế độ quản lý kinh tế, có trách nhiệm quản lý theo dõi toàn bộ nguồn vốn của Công ty, có chức năng tham mưu giúp việc cho Giám đốc, thông báo kịp thời cho Giám đốc về tình hình luân chuyển và sử dụng vốn, tăng cường công tác quản lý để việc sử dụng vốn mang lại hiệu quả cao; Báo cáo tình hình tài chính với các cơ quan chức năng của Nhà nước; Xây dựng kế hoạch Tài chính của Công ty; Quản lý toàn bộ hệ thống kế toán, sổ sách hàng ngày, phân tích kết quả hoạt động kinh doanh; Xác định về tình vốn hiện có của Công ty và sự biến động của các loại tài sản. Trong đó, Kế toán trưởng có nhiệm vụ chỉ đạo nhân viên trong phòng kế toán hạch toán theo đúng chế độ chuẩn mực Nhà nước quy định.

Tổ lái xe: Giữ gìn, bảo vệ, bảo dưỡng, quản lý đầu xe mà mình lái. Vận chuyển hàng hóa an toàn, trả hàng đúng nơi, đúng địa điểm, đúng số lượng

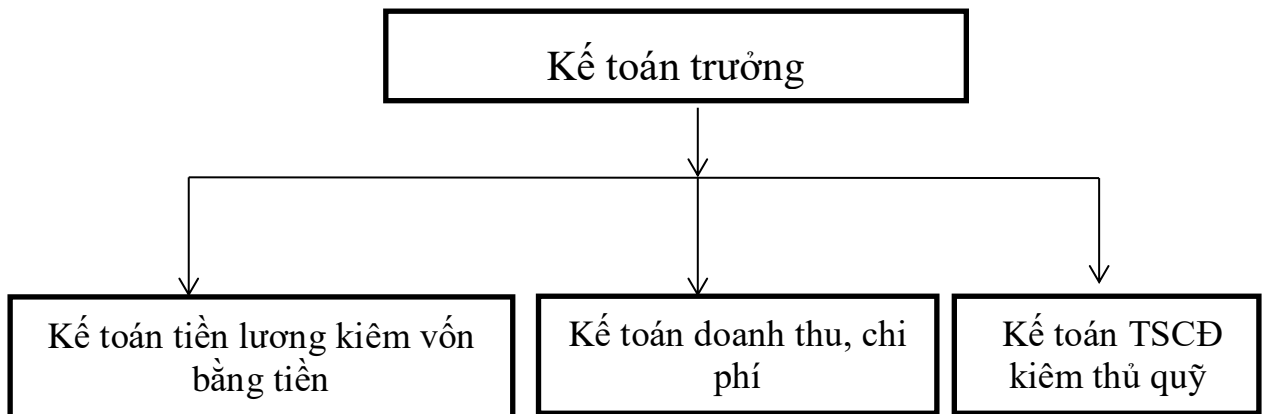
Tổ bảo vệ: Trông coi, quản lý tài sản chung của Công ty. Thực hiện các công việc khác do cấp trên phân công.

2.1.4 Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại Công ty TNHH Dịch vụ và vận tải Tùng Anh

2.1.4.1 Tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty

Bộ máy kế toán của Công ty là tập hợp những cán bộ công nhân viên kế toán cùng những trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật tính toán để thực hiện toàn bộ công tác kế toán của Công ty. Công ty TNHH dịch vụ và vận tải Tùng Anh tổ chức bộ máy kế toán theo mô hình tập trung. Phòng kế toán công ty có chức

năng tham mưu cho Ban giám đốc tổ chức triển khai toàn bộ công tác tài chính, thông tin kinh tế và hạch toán kinh tế theo điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty, đồng thời kiểm tra, kiểm soát mọi hoạt động kinh tế tài chính của công ty theo đúng pháp luật. Phòng kế toán của công ty bao gồm 4 người gồm kế toán trưởng, kế toán hàng hóa, kế toán tổng hợp và thủ quỹ.



Sơ đồ 2.2: Mô hình tổ chức bộ máy kế toán Công ty TNHH Dịch vụ và vận tải Tùng Anh

***Chức năng nhiệm vụ của từng nhân viên**

+ **Kế toán trưởng:**

- Kế toán trưởng là người giúp việc cho Giám đốc trong lĩnh vực chuyên môn kế toán, tài chính cho Giám đốc điều hành.
- Tham mưu giúp việc cho giám đốc, tổ chức thực hiện công tác kế toán, thống kê thông tin, tài chính của công ty.
- Tổ chức công tác và bộ máy kế toán phù hợp với tổ chức sản xuất kinh doanh của công ty theo yêu cầu của cơ chế quản lý.
- Tổ chức hướng dẫn thực hiện và kiểm tra việc ghi chép tính toán, phản ánh chính xác kịp thời, đầy đủ toàn bộ tài sản và các hoạt động kinh tế về tài chính của công ty.
- Trực tiếp làm công tác kế toán tổng hợp và điều hành nhiệm vụ trong phòng.
- Ký duyệt các tài liệu kế toán, có quyền từ chối không ký duyệt vấn đề liên quan đến tài chính doanh nghiệp không phù hợp với chế độ quy định.
- Được tham gia vào công tác tuyển dụng, khen thưởng, kỷ luật, đề bạt vị trí cho các kế toán viên, thủ kho, thủ quỹ trong doanh nghiệp theo quy định của doanh nghiệp.

- Báo cáo, thống kê tình hình tài chính một cách nhanh chóng, kịp thời cho ban giám đốc theo tháng, quý, năm hoặc có thể đột xuất.

- Lập các báo cáo theo quy định: Báo cáo thuế, tờ khai thuế, báo cáo tài chính, các báo cáo theo yêu cầu của quản lý,....

+ **Kế toán doanh thu, chi phí:**

- Nhận, đối chiếu, kiểm tra, xác nhận số liệu báo cáo doanh thu từ khách hàng sau đó lập báo cáo doanh thực hiện trong kỳ.

- Theo dõi các khoản chi phí phát sinh đến hoạt động vận tải và tính giá thành dịch vụ vận tải trong năm.

- Lập phương án xử lý các trường hợp công nợ khó đòi bằng các nghiệp vụ chuyên môn.

- Thực hiện báo cáo doanh thu công nợ.

- Hỗ trợ báo cáo doanh thu định kỳ cho Công ty.

+ **Kế toán vốn bằng tiền kiêm kế toán tiền lương:**

- Theo dõi vốn bằng tiền như tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền vay

- Theo dõi tình hình tăng giảm tài sản cố định và trích khấu hao tài sản cố định

- Tính lương và các khoản trích theo lương cho người lao động, thanh toán số lương phải trả cho từng người theo quy định.

+ **Kế toán TSCĐ kiêm thủ quỹ:**

- Thực hiện lập hồ sơ theo dõi tình hình tăng giảm TSCĐ.

- Tính khấu hao TSCĐ hàng tháng.

- Tham gia tiến hành kiểm kê TSCĐ vào cuối năm tài chính.

- Thực hiện việc thanh toán tiền mặt hàng ngày theo quy trình thanh toán của công ty

- Tự động kiểm kê đối chiếu quỹ hàng ngày, quản lý toàn bộ tiền mặt trong két sắt của công ty

- Chịu trách nhiệm lưu giữ chứng từ thu chi tiền

- Kiểm tra số tiền. nội dung. ngày tháng lập trên Phiếu thu, Phiếu chi với chứng từ gốc.

- Kiểm tra số tiền thu vào hoặc chi ra cho chính xác để nhập hoặc xuất quỹ tiền mặt

- Đảm bảo số dư tồn quỹ phục vụ kinh doanh và chi trả lương cho nhân viên bằng việc thông báo kịp thời số dư tồn quỹ cho kế tổng hợp.

2.1.4.2. Các chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại công ty.

- Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.
- Kỳ kế toán: Từ 1/1 đến 31/12 năm dương lịch.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng: Đồng Việt Nam.
- Phương pháp khấu hao TSCĐ: khấu hao đường thẳng.
- Phương pháp tính thuế GTGT: thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.
- Chế độ kế toán áp dụng: theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính.

2.1.4.3. Tổ chức vận dụng hệ thống chứng từ và tài khoản

Công ty TNHH Dịch vụ và vận tải Tùng Anh tổ chức vận dụng hệ thống chứng từ và tài khoản kế toán ban hành theo Quyết định số 200/2014/QĐ-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

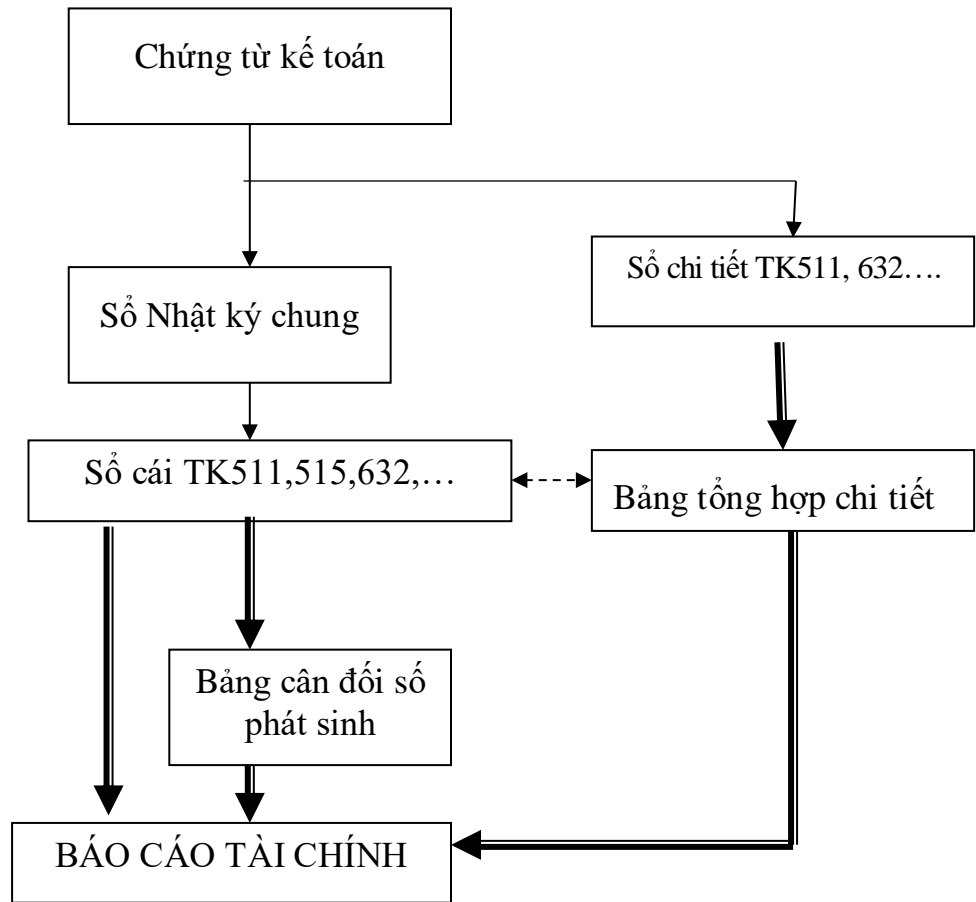
2.1.4.4. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách kế toán

Công ty áp dụng hình thức sổ Nhật ký chung. Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung là tất cả các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và định khoản kế toán của nghiệp vụ đó, sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Hệ thống sổ sách mà Công ty đang sử dụng bao gồm:

- Sổ Nhật ký chung.
- Sổ cái các tài khoản.
- Các sổ kế toán chi tiết.
- Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

Trình tự ghi sổ kế toán của Công ty được thể hiện qua sơ đồ sau:



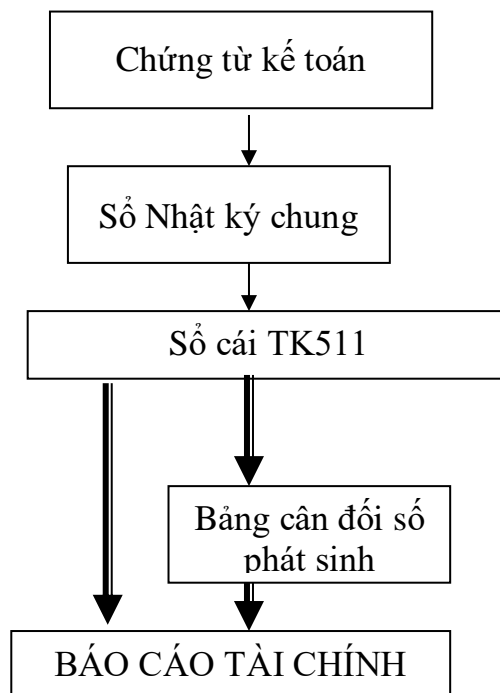
- Ghi chú:**
- > Ghi hàng ngày
 - ====> Ghi hàng tuần, hàng tháng, hoặc định kỳ
 - <-----> Đối chiếu

Sơ đồ 2.3. Sơ đồ trình tự kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức nhật ký chung tại Công ty TNHH dịch vụ và vận tải Tùng Anh

2.2. Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí tại Công ty TNHH dịch vụ và vận tải Tùng Anh

2.2.1. Thực trạng công tác kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty TNHH dịch vụ và vận tải Tùng Anh

- ❖ Chứng từ sử dụng:
 - + Hóa đơn GTGT
 - + Chứng từ thanh toán: Phiếu thu, giấy báo có của ngân hàng,...
 - + Các chứng từ liên quan khác: Hợp đồng mua bán,...
- ❖ Tài khoản sử dụng:
 - + TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
 - + TK liên quan khác: TK 111, TK 112,...
- ❖ Sổ sách sử dụng:
 - + Sổ Nhật ký chung
 - + Sổ Cái TK 511
- ❖ Phương pháp hạch toán:



- Ghi chú:**
- > Ghi hàng ngày
 - =====> Ghi hàng tuần, hàng tháng, hoặc định kỳ
 - ←-----> Đối chiếu

Sơ đồ 2.4. Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu tại Công ty TNHH dịch vụ và vận tải Tùng Anh

Ví dụ 1: Ngày 01/10/2017, theo hóa đơn GTGT số 0000811 (biểu số 2.1) vận chuyển hàng cho Công ty TNHH Đầu tư Hưng Phát, tổng giá thanh toán 48.400.000đồng, chưa thu được tiền.

Ví dụ 2: Ngày 18/10/2017, theo hóa đơn GTGT số 0000852 (biểu số 2.2) vận chuyển hàng cho Công ty TNHH sản xuất Quang Vinh, tổng giá thanh toán 17.094.000đồng, đã thanh toán bằng tiền mặt.

Biểu số 2.1: Hóa đơn giá trị gia tăng

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG			Mẫu số:																
Liên 3: Nội bộ			01GTKT3/001																
Ngày 01 tháng 10 năm 2017			Ký hiệu: HM/17P																
			Số: 0000811																
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VÀ VẬN TẢI TÙNG ANH																			
Mã số thuế: 0201300846																			
Địa chỉ: Thôn Nam Bình, xã An Hưng, huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng																			
Điện thoại: 0225 3282 107																			
Số tài khoản:																			
Họ tên người mua hàng:																			
Tên đơn vị: Công ty TNHH Đầu tư Hưng Phát																			
Mã số thuế: <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"><tr><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">2</td><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">8</td><td style="width: 20px; text-align: center;">6</td><td style="width: 20px; text-align: center;">1</td><td style="width: 20px; text-align: center;">2</td><td style="width: 20px; text-align: center;">6</td><td style="width: 20px; text-align: center;">5</td><td style="width: 20px; text-align: center;"> </td><td style="width: 20px; text-align: center;"> </td><td style="width: 20px; text-align: center;"> </td><td style="width: 20px; text-align: center;"> </td></tr></table>						0	2	0	0	8	6	1	2	6	5				
0	2	0	0	8	6	1	2	6	5										
Địa chỉ: số 96 Lê Lai, Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng																			
Hình thức thanh toán: TM/CK..... Số tài khoản:.....																			
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền														
1	2	3	4	5	6=5x4														
1	Vận chuyển hàng theo HĐKT số 451/HĐKT ngày 27/09/2017				44.000.000														
	/																		
Cộng tiền hàng					44.000.000														
Thuế GTGT : 10%		Tiền thuế GTGT			4.400.000														
Tổng cộng tiền thanh toán					48.400.000														
Số tiền viết bằng chữ: Bốn mươi tám triệu, bốn trăm ngàn đồng chẵn .																			
Người mua hàng (ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)															
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)																			

(Nguồn: Phòng kế toán - Công ty TNHH dịch vụ và vận tải Tùng Anh)

Biểu số 2.2: Hóa đơn giá trị gia tăng

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG			Mẫu số: 01GTKT3/001															
Liên 3: Nội bộ			Ký hiệu: HM/17P															
Ngày 18 tháng 10 năm 2017			Số: 0000852															
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VÀ VẬN TẢI TÙNG ANH																		
Mã số thuế: 0201300846																		
Địa chỉ: Thôn Nam Bình, xã An Hưng, huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng																		
Điện thoại: 0225 3282 107																		
Số tài khoản:																		
Họ tên người mua hàng:																		
Tên đơn vị: Công ty TNHH sản xuất Quang Vinh																		
Mã số thuế: <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"><tr><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">2</td><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">1</td><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">6</td><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">2</td><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">1</td><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">3</td><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">5</td><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;"> </td><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;"> </td><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;"> </td></tr></table>						0	2	0	1	0	6	2	1	3	5			
0	2	0	1	0	6	2	1	3	5									
Địa chỉ: Thị trấn Núi Đèo, Huyện Thủy Nguyên, TP. Hải Phòng																		
Hình thức thanh toán: TM/CK..... Số tài khoản:.....																		
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền													
1	2	3	4	5	6=5x4													
1	Vận chuyển hàng theo HĐKT số 465/HĐKT ngày 10/10/2017				15.540.0000													
	/																	
Cộng tiền hàng					15.540.0000													
Thuế GTGT : 10%		Tiền thuế GTGT			1.554.000													
Tổng cộng tiền thanh toán					17.094.000													
Số tiền viết bằng chữ: Mười bảy triệu, không trăm chín mươi tư ngàn đồng chẵn .																		
Người mua hàng <i>(ký, ghi rõ họ tên)</i>		Người bán hàng <i>(ký, ghi rõ họ tên)</i>		Thủ trưởng đơn vị <i>(ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)</i>														
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)																		

(Nguồn: Phòng kế toán - Công ty TNHH dịch vụ và vận tải Tùng Anh)

Biểu số 2.3: Phiếu thu

Công ty TNHH dịch vụ và vận tải Tùng Anh
Thôn Nam Bình, xã An Hưng, huyện An Dương,
Thành phố Hải Phòng

Mẫu số 01 – TT
(Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU THU

Ngày 18 tháng 10 năm 2017

Quyển số: 12

Số: 41/10

Nợ TK 111: 17.094.000

Có TK 511: 15.540.0000

Có TK 333: 1.554.000

Họ và tên người nộp tiền : Nguyễn Hà Phương.....

Địa chỉ:..... Công ty TNHH sản xuất Quang Vinh

Lý do chi:.....Thu tiền vận chuyển hàng của Công ty TNHH sản xuất Quang Vinh...

Số tiền :..... 17.094.000.....(Viết bằng chữ): Mười bảy triệu, không trăm chín mươi tư ngàn đồng chẵn

Kèm theo:.....01.....Chứng từ gốc.....HĐGTGT 0000852.....

Ngày 18 tháng 10 năm 2017.

Giám đốc Kế toán trưởng Người lập phiếu Người nộp tiền Thủ quỹ

(Ký, họ tên,
đóng dấu)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền(Viết bằng chữ): Mười bảy triệu, không trăm chín mươi tư ngàn đồng chẵn .

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý).....

+ Số tiền quy đổi.....

(Nguồn: Phòng kế toán - Công ty TNHH dịch vụ và vận tải Tùng Anh)

Biểu số 2.4: Trích sổ Nhật ký chung

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VÀ VẬN TẢI TÙNG ANH
Thôn Nam Bình, xã An Hưng, huyện An Dương, Thành phố Hải
Phòng

Mẫu số S03a – DN
(Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
Năm 2017

Đơn vị: đồng

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SH TK	Số phát sinh	
	Số hiệu	NT			Nợ	Có
...
01/10	HD811	01/10	VC cho Công ty TNHH Đầu tư Hưng Phát	131 511 333	48.400.000	44.000.000 4.400.000
...						
14/10	HD821 BC415	14/10	VC cho Công ty thương mại Song Vân	112 511 333	67.100.000	61.000.000 6.100.000
...						
18/10	HD852 PT41/12	18/10	VC cho Công ty TNHH sản xuất Quang Vinh	111 511 333	17.094.000	15.540.000 1.554.000
..						
31/12	PKT29	31/12	Kết chuyển doanh thu	511 515 911	28.839.912.811 31.342.997	28.871.255.808
			Kết chuyển:	911	28.154.089.693	
			- Giá vốn	632		25.662.898.102
31/13	PKT30	31/12	- Chi phí QLDN	642		2.188.200.371
			- Chi phí HĐTC	635		302.991.220
...						
Cộng					162.136.209.104	162.136.209.104

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng kế toán - Công ty TNHH dịch vụ và vận tải Tùng Anh)

Biểu số 2.5 : Trích sổ cái tài khoản 511

Công ty TNHH dịch vụ và vận tải Tùng Anh
Thôn Nam Bình, xã An Hưng, huyện An Dương,
Thành phố Hải Phòng

Mẫu số S03b – DN
(Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2017

Tên tài khoản: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Số hiệu: 511

Năm 2017

Đơn vị: Đồng Việt Nam

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
01/10	HD811	01/10	VC hàng cho Công ty TNHH Đầu tư Hưng Phát	131		44.000.000
...		
12/10	HD818	12/10	VC hàng cho Công ty TNHH Đầu tư Hồng Đăng	131		64.500.000
...		
14/10	HD821 BC415	14/10	VC hàng cho Công ty thương mại Song Vân	112		61.000.000
...		
18/10	HD852 PT41/10	18/10	VC hàng cho Công ty TNHH sản xuất Quang Vinh	111		15.540.0000
...		
31/21	PKT29	31/21	Kết chuyển doanh thu 2017	911	28.839.912.811	
			Cộng phát sinh năm		28.839.912.811	28.839.912.811

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng kế toán - Công ty TNHH dịch vụ và vận tải Tùng Anh)

2.2.2. Thực trạng công tác kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty TNHH dịch vụ và vận tải Tùng Anh

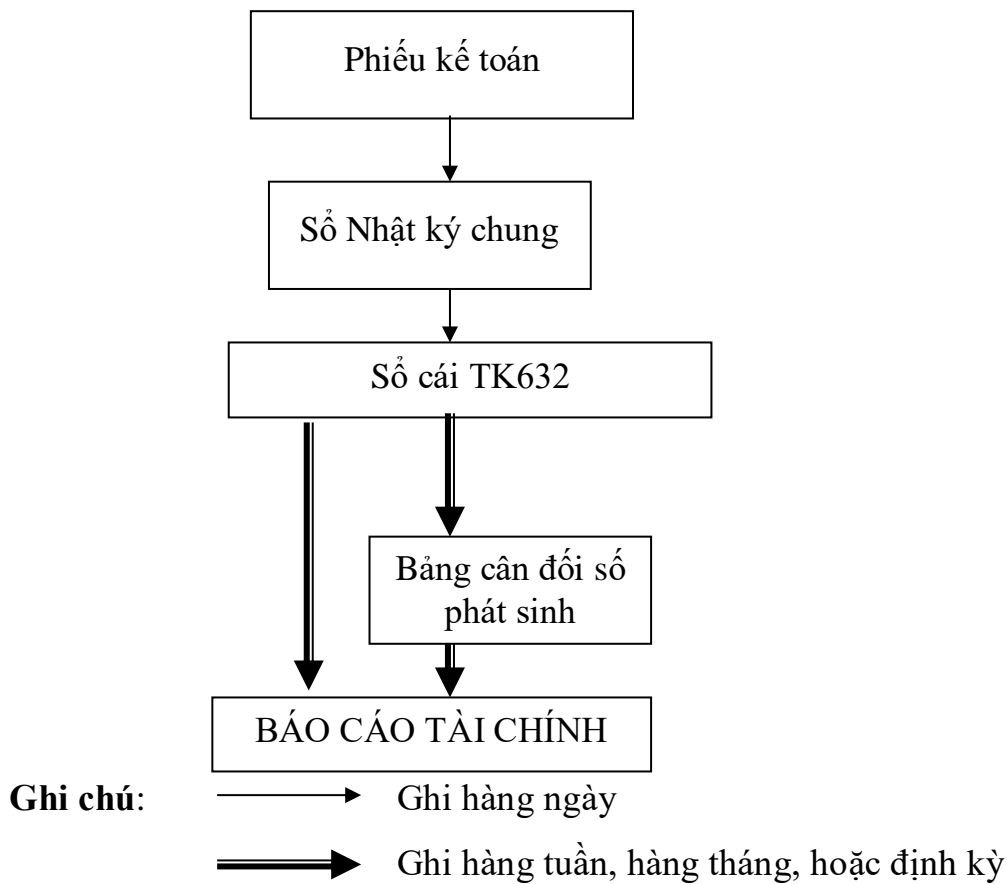
Chi phí hoạt động vận tải tại Công ty TNHH dịch vụ và vận tải Tùng Anh bao gồm:

- ✓ Tiền lương lái xe
- ✓ Chi phí xăng dầu
- ✓ Khấu hao xe
- ✓ Chi phí sắm lốp
- ✓ Chi phí sửa chữa xe
- ✓

Công ty TNHH dịch vụ và vận tải Tùng Anh tập hợp chi phí vận tải cho toàn doanh nghiệp. Chi phí về nguyên vật liệu như: xăng dầu, dầu mỡ.... sẽ được tập hợp vào TK 621; tiền lương và các khoản trích theo lương của lái xe phụ xe được tập hợp vào tài khoản 622; các khoản chi phí như: chi phí khấu hao TSCĐ, chi phí sắm lốp ... được tập hợp vào TK 627. Cuối năm các khoản chi phí này được kết chuyển sang TK 154 để tính giá thành dịch vụ vận tải toàn công ty. Giá thành được tính vào cuối năm theo công thức:

Giá thành vận tải = Chi phí vận tải phát sinh trong kỳ

- ❖ Chứng từ sử dụng:
 - + Phiếu xuất kho
 - + Phiếu kế toán
 - + Các chứng từ khác có liên quan
- ❖ Tài khoản sử dụng:
 - + Tài khoản 632: Giá vốn hàng bán
- ❖ Sổ sách sử dụng:
 - + Sổ Nhật ký chung
 - + Sổ Cái TK 632
- ❖ Phương pháp hạch toán hạch toán:



Sơ đồ 2.5. Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán giá vốn tại Công ty TNHH dịch vụ và vận tải Tùng Anh

Ví dụ minh họa về tập hợp chi phí tính giá thành năm 2017:

Các chi phí phát sinh liên quan đến hoạt động vận tải tập hợp được trong năm 2017, bao gồm:

- + Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp: 11.299.050.108, đồng.
- + Chi phí nhân công trực tiếp: 5.608.167.148, đồng.
- + Chi phí sản xuất chung: 8.755.680.846, đồng.
- Tổng chi phí = Tổng giá thành: **25.662.898.102**, đồng.

Căn cứ vào số liệu trên sổ cái TK 621, 622, 627 kế toán tiến hành lập PKT số 27 để xác kết chuyển sang TK 154 xác định giá thành.

Kế toán lập PKT số 28 xác định giá thành dịch vụ vận tải năm 2017.

Biểu số 2.6: Phiếu kê toán

Công ty TNHH dịch vụ và vận tải Tùng Anh

Thôn Nam Bình, xã An Hưng, huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng

PHIẾU KÊ TOÁN

Số 27

Ngày 31/12/2017

Nội dung	TK		Số tiền
	Nợ	Có	
Kết chuyển chi phí NVL trực tiếp	154	621	11.299.050.108
Kết chuyển chi phí Nhân công trực tiếp	154	622	5.608.167.148
Kết chuyển chi phí sản xuất chung	154	627	8.755.680.846
Cộng			25.662.898.102
Người lập (Ký, họ tên)			Kế toán trưởng (Ký, họ tên)

Biểu số 2.7: Phiếu kê toán

Công ty TNHH dịch vụ và vận tải Tùng Anh

Thôn Nam Bình, xã An Hưng, huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng

PHIẾU KÊ TOÁN

Số 28

Ngày 31/12/2017

Nội dung	TK		Số tiền
	Nợ	Có	
Kết chuyển giá thành dịch vụ vận tải năm 2017	632	154	25.662.898.102
Cộng			25.662.898.102
Người lập (Ký, họ tên)			Kế toán trưởng (Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán - Công ty TNHH dịch vụ và vận tải Tùng Anh)

Biểu số 2.8: Trích sổ Nhật ký chung

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VÀ VẬN TẢI TÙNG ANH
Thôn Nam Bình, xã An Hưng, huyện An Dương, Thành phố Hải
Phòng

Mẫu số S03a – DN
(Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2017

Đơn vị: đồng

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SH TK	Số phát sinh	
	Số hiệu	NT			Nợ	Có
...	
31/12	BC568	31/12	Tiền lãi được hưởng	112 515	84.661	84.661
...			...			
31/12	BN552	31/12	Chi trả lãi vay	635 112	15.503.207	15.503.207
...			..			
31/12	PKT27	31/12	Kết chuyển chi phí tính giá thành dịch vụ vận tải 2017	154 621 622 627	25.662.898.102	11.299.050.108 5.608.167.148 8.755.680.846
31/12	PKT28	31/12	Kết chuyển giá thành dịch vụ vận tải 2017	632 154	25.662.898.102	25.662.898.102
31/12	PKT29	31/12	Kết chuyển doanh thu	511 515 911	28.839.912.811 31.342.997	28.871.255.808
31/13	PKT30	31/12	Kết chuyển: - Giá vốn - Chi phí QLDN - Chi phí HĐTC	911 632 642 635	28.154.089.693	25.662.898.102 2.188.200.371 302.991.220
31/12	PKT31	31/12	Xác định thuế TNDN	821 3334	143.433.223	143.433.223
...			...			
			Cộng		162.136.209.104	162.136.209.104

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng kế toán - Công ty TNHH dịch vụ và vận tải Tùng Anh)

Biểu số 2.9: Sổ cái TK 632

Công ty TNHH dịch vụ và vận tải Tùng Anh
Thôn Nam Bình, xã An Hưng, huyện An Dương,
Thành phố Hải Phòng

Mẫu số S03b – DN
(Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2017

Tên TK: Giá vốn hàng bán

Số hiệu : 632

Đơn vị tính: đồng

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu năm			
			Số phát sinh			
31/12	PKT28	31/12	Giá thành dịch vụ vận tải 2017	154	25.662.898.102	
31/12	PKT30	31/12	Kết chuyển giá vốn xác định kết quả KD năm 2017	911		25.662.898.102
			Cộng phát sinh		25.662.898.102	25.662.898.102
			Số dư cuối năm			

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ
(ký, ghi họ tên)

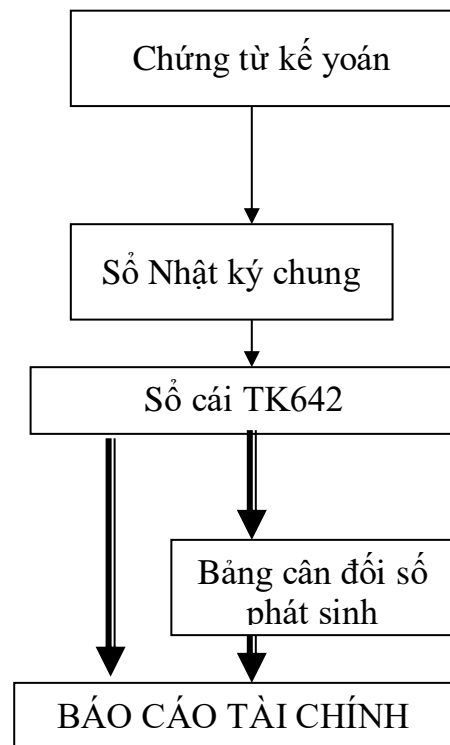
Kế toán trưởng
(ký, ghi họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(ký tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng kế toán - Công ty TNHH dịch vụ và vận tải Tùng Anh)

2.2.3. Thực trạng công tác kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp tại Công ty TNHH dịch vụ và vận tải Tùng Anh.

- ❖ Chứng từ sử dụng:
 - + Hóa đơn GTGT
 - + Phiếu chi, ủy nhiệm chi...
 - + Bảng thanh toán lương
 - + Bảng tính và phân bổ khấu hao
- ❖ Tài khoản sử dụng:
 - + Tài khoản 642: Chi phí quản lý doanh nghiệp
- ❖ Sổ sách sử dụng:
 - + Sổ Nhật ký chung
 - + Sổ Cái TK 642
- ❖ Phương pháp hạch toán:



- Ghi chú:**
- > Ghi hàng ngày
 - > Ghi hàng tuần, hàng tháng, hoặc định kỳ

Sơ đồ 2.6. Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán chi phí QLDN tại Công ty TNHH dịch vụ và vận tải Tùng Anh

Ví dụ 1: Ngày 10 tháng 12 công ty chi tiền tiếp khách ở bộ phận quản lý, tổng số tiền là **2.750.000** đồng.

Căn cứ vào hóa đơn giá trị gia tăng (biểu số 2.10) và phiếu chi (biểu số 2.11), kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung (biểu 2.12). Căn cứ vào sổ nhật ký chung, kế toán ghi vào sổ cái TK642.

Biểu số 2.10: Hóa đơn giá trị gia tăng

HOÁ ĐƠN			Mẫu số: 01 TKT3/001															
GIÁ TRỊ GIA TĂNG			Ký hiệu: AA/17P															
Liên 2: Giao khách hàng			0000672															
Ngày 10 tháng 12 năm 2017																		
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Dương Châu																		
Địa chỉ: 14 Nguyễn Trãi – Ngô Quyền - Hải Phòng.....																		
Số tài khoản:																		
Điện thoại: MS thuế																		
<table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">2</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">8</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">1</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">5</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">3</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">5</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">—</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">—</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">—</td> </tr> </table>						0	2	0	0	8	1	5	0	3	5	—	—	—
0	2	0	0	8	1	5	0	3	5	—	—	—						
Họ tên người mua hàng: Đỗ Văn Thành.....																		
Tên đơn vị: Công ty TNHH dịch vụ và vận tải Tùng Anh																		
Địa chỉ: Thôn Nam Bình, xã An Hưng, huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng																		
Số tài khoản: 00 31 000 130 468 Vietcombank Hai Phong Branch.																		
Hình thức thanh toán: TM MS:																		
<table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">2</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">1</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">3</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">8</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">4</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">6</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">—</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">—</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">—</td> </tr> </table>						0	2	0	1	3	0	0	8	4	6	—	—	—
0	2	0	1	3	0	0	8	4	6	—	—	—						
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị Tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền													
A	B	C	1	2	3=1x2													
1	Tiếp khách				2.500.000													
<i>Cộng tiền hàng:</i>					2.500.000													
<i>Thuế GTGT: 10 %</i>					<i>Tiền thuế GTGT: 250.000</i>													
Tổng cộng tiền thanh toán					2.750.000													
<i>Số tiền viết bằng chữ: Hai triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng chẵn/.</i>																		
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)														
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)																		

(Nguồn: Phòng kế toán - Công ty TNHH dịch vụ và vận tải Tùng Anh)

Biểu số 2.11: Phiếu chi

Công ty TNHH dịch vụ và vận tải Tùng Anh
Thôn Nam Bình, xã An Hưng, huyện An Dương,
Thành phố Hải Phòng

Mẫu số 02 – TT
(Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Ngày 10 tháng 12 năm 2017

Quyền số: 12
Số: **30/12**
Nợ TK 642: 2.500.000
Nợ TK 133: 250.000
Có TK 111: 2.750.000

Họ và tên người nhận tiền : Nguyễn Hải Hà.....

Địa chỉ:..... Phòng Kế Toán.....

Lý do chi:.....Thanh toán tiền tiếp khách

Số tiền :..... **2.750.000**.....(Viết bằng chữ): Hai triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng chẵn./.....

Kèm theo:.....01.....Chứng từ gốc.....HĐGTGT **0000672**.....

Ngày 10 tháng 12 năm 2017.

Giám đốc Kế toán trưởng Người lập phiếu Người nhận tiền Thủ quỹ

(Ký, họ tên,
đóng dấu)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ
tên)

Đã nhận đủ số tiền(Viết bằng chữ): Hai triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng chẵn/
+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc,đá quý).....
+ Số tiền quy đổi.....

(Nguồn: Phòng kế toán - Công ty TNHH dịch vụ và vận tải Tùng Anh)

Biểu số 2.12: Trích sổ Nhật ký chung

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VÀ VẬN TẢI TÙNG ANH
Thôn Nam Bình, xã An Hưng, huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng

Mẫu số S03a – DN
(Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
Năm 2017

Đơn vị: đồng

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SH TK	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			...			
10/12	PC 30/12 HĐ672	10/12	Chi tiếp khách	642 133 111	25.00.000 250.000	2.750.000
			...			
15/12	PC 35/12 HĐ416	15/12	Thanh toán tiền mua văn phòng phẩm	642 133 111	1.440.000 144.000	1.584.000
			...			
31/12	BC568	31/12	Chi trả lãi vay	635 112	15.503.207	15.503.207
31/12	PKT28	31/12	Kết chuyển giá thành dịch vụ vận tải 2017	632 154	25.662.898.102	25.662.898.102
31/12	PKT29	31/12	Kết chuyển doanh thu	511 515 911	28.839.912.811 31.342.997	28.871.255.808
31/13	PKT30	31/12	Kết chuyển: - Giá vốn - Chi phí QLDN - Chi phí HĐTC	911 632 642 635	28.154.089.693 25.662.898.102 2.188.200.371 302.991.220	
			...			
			Cộng		162.136.209.104	162.136.209.104

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng kế toán - Công ty TNHH dịch vụ và vận tải Tùng Anh)

Biểu số 2.13. Trích sổ cái TK 642

Công ty TNHH dịch vụ và vận tải Tùng Anh
Thôn Nam Bình, xã An Hưng, huyện An Dương, Thành
phố Hải Phòng

Mẫu số S03b – DN
(Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2017

Tên tài khoản: Chi phí quản lý doanh nghiệp

Số hiệu: 642

Đơn vị tính: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu năm			
			Số phát sinh			
...
10/12	PC30/12 HĐ672	10/12	Thanh toán tiền chi tiếp khách	111	2.500.000	
...
15/12	PC35/12 HĐ416	15/12	Thanh toán tiền mua văn phòng phẩm	111	1.440.000	
			..			
31/12	PKT30	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý DN 2017	911		2.188.200.371
			Cộng số phát sinh		2.188.200.371	2.188.200.371
			Số dư cuối năm			

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ
(ký, ghi họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, ghi họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(ký tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng kế toán - Công ty TNHH dịch vụ và vận tải Tùng Anh)

2.2.4. Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính tại Công ty TNHH dịch vụ và vận tải Tùng Anh

2.2.4.1. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính.

❖ **Chứng từ sử dụng**

Phiếu thu, giấy báo có, giấy báo lãi của ngân hàng, sổ phụ hoặc các chứng từ thông báo TK của ngân hàng. Các chứng từ khác có liên quan.

❖ **Tài khoản sử dụng**

- TK 515- Doanh thu hoạt động tài chính
- Và các TK liên quan

2.2.4.2. Kế toán chi phí hoạt động tài chính

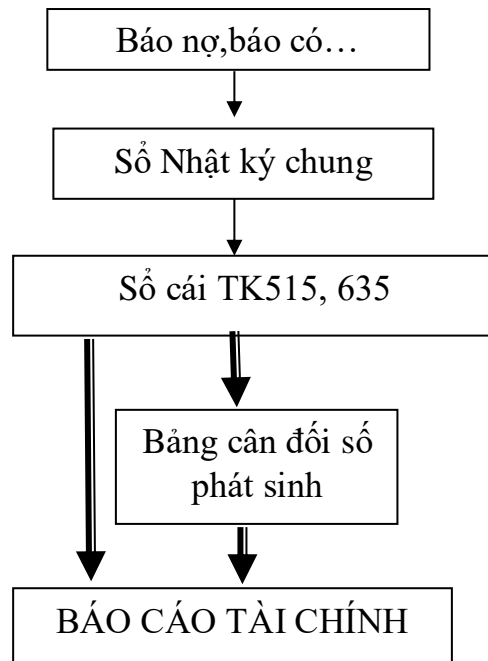
❖ **Chứng từ sử dụng:**

- Phiếu chi
- Giấy báo nợ
- Các chứng từ thông báo TK của ngân hàng.

❖ **Tài khoản sử dụng**

- TK 635- Chi phí hoạt động tài chính
- Và các TK liên quan.

2.2.4.3. Phương pháp hạch toán.



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ⇒ Ghi hàng tuần, hàng tháng, hoặc định kỳ

Sơ đồ 2.7. Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính tại Công ty TNHH dịch vụ và vận tải Tùng Anh

- Ví dụ 1: Ngày 31 tháng 12 năm 2017, công ty Công ty TNHH dịch vụ và vận tải Tùng Anh nhận lãi từ ngân hàng Vietcombank chi nhánh Hải Phòng số tiền 84.661 đồng.

Căn cứ vào giấy báo có (biểu số 2.14) và các chứng từ khác có liên quan, kế toán ghi vào sổ kế toán theo định khoản sau:

Nợ TK 112: 84.661
 Có TK 515: 84.661

- Ví dụ 2: Ngày 31 tháng 12 năm 2017, công ty trả tiền lãi vay cho ngân hàng Vietcombank chi nhánh Hải Phòng, số tiền 15.503.207 đồng.

Căn cứ vào Giấy báo Nợ (biểu số 2.15) và các chứng từ khác có liên quan, kế toán ghi vào sổ kế toán theo định khoản sau:

Nợ TK 635: 15.503.207
 Có TK 112: 15.503.207

Từ giấy báo có, báo nợ trên kế toán ghi vào sổ nhật ký chung (biểu số 2.16), căn cứ vào sổ nhật ký chung ghi vào sổ cái TK515, 635.

Biểu số 2.14: Giấy báo có



Mã GDV: 3515

Mã KH: 23429

Số GD: 568

GIẤY BÁO CÓ

Ngày: 31/12/2017

Kính gửi : CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VÀ VẬN TẢI TÙNG ANH

Hôm nay, chúng tôi xin báo đã ghi CÓ tài khoản của quý khách hàng với nội dung sau:

Số tài khoản ghi CÓ : 102010001141468

Số tiền bằng số: **84.661**

Số tiền bằng chữ: Tám mươi tư nghìn, sáu trăm sáu mươi một đồng./

Nội dung: # LÃI NHẬP GỐC #

GIAO DỊCH VIÊN

KIỂM SOÁT

(Nguồn: Phòng kế toán - Công ty TNHH dịch vụ và vận tải Tùng Anh)

Biểu số 2.15: Giấy báo nợ của ngân hàng Công thương



Mã GDV: 3515
Mã KH: 23429
Số GD: 552

GIẤY BÁO NỢ

Ngày: 31/12/2017

Kính gửi : CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VÀ VẬN TẢI TÙNG ANH

Hôm nay, chúng tôi xin báo đã ghi NỢ tài khoản của quý khách hàng với nội dung sau:

Số tài khoản ghi NỢ : 102010001141468

Số tiền bằng số: **15.503.207**

Số tiền bằng chữ: Mười lăm triệu, năm trăm lẻ ba nghìn hai trăm linh bảy đồng chẵn/

Nội dung: # TRẢ LÃI VAY #

GIAO DỊCH VIÊN

KIỂM SOÁT

(Nguồn: Phòng kế toán - Công ty TNHH dịch vụ và vận tải Tùng Anh)

Biểu số 2.16: Trích sổ Nhật ký chung

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VÀ VẬN TẢI TÙNG ANH
Thôn Nam Bình, xã An Hưng, huyện An Dương, Thành phố Hải
Phòng

Mẫu số S03a – DN
(Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2017

Đơn vị: đồng

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SH TK	Số phát sinh	
	Số hiệu	NT			Nợ	Có
			...			
31/12	BC568	31/12	Tiền lãi được hưởng	112 515	84.661	84.661
			...			
31/12	BN552	31/12	Chi trả lãi vay	635 112	15.503.207	15.503.207
			..			
31/12	PKT18	31/12	Kết chuyển giá thành dịch vụ vận tải 2017	632 154	25.662.898.102	25.662.898.102
				511	28.839.912.811	
31/12	PKT29	31/12	Kết chuyển doanh thu	515 911	31.342.997	28.871.255.808
			Kết chuyển:	911	28.154.089.693	
			- Giá vốn	632		25.662.898.102
31/13	PKT30	31/12	- Chi phí QLDN	642		2.188.200.371
			- Chi phí HĐTC	635		302.991.220
31/12	PKT31	31/12	Xác định thuế TNDN	821 333	143.433.223	143.433.223
			...			
			Cộng		162.136.209.104	162.136.209.104

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng kế toán - Công ty TNHH dịch vụ và vận tải Tùng Anh)

Biểu số 2.17. Trích sổ cái TK 515

Công ty TNHH dịch vụ và vận tải Tùng Anh
Thôn Nam Bình, xã An Hưng, huyện An Dương,
Thành phố Hải Phòng

Mẫu số S03b – DN
(Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2017

Tên TK: Doanh thu hoạt động tài chính

Số hiệu : 515

Đơn vị tính: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu năm			
			Số phát sinh			
					
30/11	BC491	30/11	Ngân hàng Vietcombank nhập lãi tiền gửi không kỳ hạn	112		45.229
			...			
31/12	BC568	31/12	Ngân hàng Vietcombank nhập lãi tiền gửi không kỳ hạn	112		84.661
31/12	BC569	31/12	Thu tiền lãi từ ngân hàng Vietinbank	112		89.442
			...			
31/12	PKT29	31/12	Kết chuyển doanh thu tài chính 2017	911	31.342.997	
			Cộng số phát sinh		31.342.997	31.342.997
			Số dư cuối năm			

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng kế toán - Công ty TNHH dịch vụ và vận tải Tùng Anh)

Biểu số 2.18. Trích sổ cái TK 635

Công ty TNHH dịch vụ và vận tải Tùng Anh
Thôn Nam Bình, xã An Hưng, huyện An Dương, Thành
phố Hải Phòng

Mẫu số S03b – DN
(Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2017

Tên TK: Chi phí hoạt động tài chính

Số hiệu : 635

Đơn vị tính: Đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu năm			
			Số phát sinh			
			...			
31/10	BN481	31/10	Trả lãi cho ngân hàng Vietcombank	112	13.125.175	
			...			
30/11	BN501	30/11	Trả lãi cho ngân hàng Vietcombank	112	13.215.822	
			...			
31/12	BN 552	31/12	Trả lãi cho ngân hàng Vietcombank	112	15.503.207	
			...			
31/12	PKT30	31/12	Kết chuyển chi phí tài chính 2017	911		302.991.220
			Cộng số phát sinh		302.991.220	302.991.220
			Số dư cuối năm			

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng kế toán - Công ty TNHH dịch vụ và vận tải Tùng Anh)

2.2.5. Tổng hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH dịch vụ và vận tải Tùng Anh

❖ Chứng từ sử dụng:

+ Phiếu kế toán

❖ Sổ kế toán sử dụng:

+ Sổ cái TK911: “Kết quả kinh doanh”

+ Sổ cái TK 821: “Chi phí thuế TNDN”

+ Sổ cái TK421: “Lợi nhuận chưa phân phối”

❖ Ví dụ minh họa:

- Ngày 31/12, căn cứ vào số liệu trên sổ cái TK511, TK515 kế toán tiến hành lập phiếu kế toán số 29 để kết chuyển doanh thu, thu nhập.

- Căn cứ vào số liệu trên sổ cái TK 632, 635, 642 kế toán tiến hành lập PKT số 30 để kết chuyển chi phí xác định kết quả kinh doanh.

- Căn cứ vào PKT số 29 và PKT số 30, kế toán ghi vào sổ Nhật chung

- Căn cứ vào sổ Nhật ký chung, kế toán ghi Sổ cái TK511, Sổ cái TK 632, Sổ cái TK 642, Sổ cái TK515, Sổ cái TK 635, Sổ cái TK 911.

- Căn cứ vào Sổ cái TK 911, kế toán xác định lợi nhuận trước thuế, từ đó lập PKT số 31 để xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và PKT số 32 để kết chuyển chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

- Căn cứ vào PKT số 31 và PKT số 32, kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung. Từ Nhật ký chung, kế toán ghi vào Sổ cái TK 911, Sổ cái TK 821.

- Căn cứ vào Sổ cái TK 911, kế toán lập PKT số 33 để kết chuyển lợi nhuận sau thuế.

- Căn cứ vào PKT số 33, kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung. Từ Nhật ký chung, kế toán ghi vào sổ cái TK 911, TK 421.

Biểu số 2.19. Phiếu kế toán

Công ty TNHH dịch vụ và vận tải Tùng Anh

Thôn Nam Bình, xã An Hưng, huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Số: 29

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển doanh thu bán hàng	511	911	28.839.912.811
2	Kết chuyển doanh thu HĐ tài chính	515	911	31.342.997
	Cộng			28.871.255.808

Người lập

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán - Công ty TNHH dịch vụ và vận tải Tùng Anh)

Biểu số 2.20. Phiếu kế toán

Công ty TNHH dịch vụ và vận tải Tùng Anh

Thôn Nam Bình, xã An Hưng, huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Số: 30

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	632	25.662.898.102
2	Kết chuyển chi phí QLDN	911	642	2.188.200.371
3	Kết chuyển chi phí HĐ chính	911	635	302.991.220
	Cộng			28.154.089.693

Người lập

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán - Công ty TNHH dịch vụ và vận tải Tùng Anh)

Biểu số 2.21. Phiếu kế toán

Công ty TNHH dịch vụ và vận tải Tùng Anh

Thôn Nam Bình, xã An Hưng, huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Số: 31

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Thuế TNDN phải nộp năm 2017	821	3334	143.433.223
	Cộng			143.433.223

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.22. Phiếu kế toán số 22

Công ty TNHH dịch vụ và vận tải Tùng Anh

Thôn Nam Bình, xã An Hưng, huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Số: 32

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911	821	143.433.223
	Cộng			143.433.223

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán - Công ty TNHH dịch vụ và vận tải Tùng Anh)

Biểu số 2.23. Phiếu kế toán

Công ty TNHH dịch vụ và vận tải Tùng Anh

Thôn Nam Bình, xã An Hưng, huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Số: 33

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Lợi nhuận sau thuế	911	421	573.732.892
	Cộng			573.732.892

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán - Công ty TNHH dịch vụ và vận tải Tùng Anh)

Biểu số 2.24: Trích sổ Nhật ký chung

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VÀ VẬN TẢI TÙNG ANH
Thôn Nam Bình, xã An Hưng, huyện An Dương, Thành phố
Hải Phòng

Mẫu số S03a – DN
(Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2017

Đơn vị: đồng

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SH TK	Số phát sinh	
	Số hiệu	NT			Nợ	Có
31/12	BC568	31/12	Tiền lãi được hưởng	112 515	84.661	84.661
			...			
31/12	BN552	31/12	Chi trả lãi vay	635 112	15.503.207	15.503.207
			..			
31/12	PKT28	31/12	Kết chuyển giá thành dịch vụ vận tải 2017	632 154	25.662.898.102	25.662.898.102
31/12	PKT29	31/12	Kết chuyển doanh thu	511 515 911	28.839.912.811 31.342.997	28.871.255.808
31/13	PKT30	31/12	Kết chuyển: - Giá vốn	911 632	28.154.089.693	25.662.898.102
			- Chi phí QLDN	642		2.188.200.371
			- Chi phí HĐTC	635		302.991.220
31/12	PKT31	31/12	Xác định thuế TNDN	821 3334	143.433.223	143.433.223
31/12	PKT32	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911 821	143.433.223	143.433.223
31/12	PKT33	31/12	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế	911 421	573.732.892	573.732.892
Cộng					162.136.209.104	162.136.209.104

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng kế toán - Công ty TNHH dịch vụ và vận tải Tùng Anh)

Biểu số 2.25. Trích sổ cái TK 911

Công ty TNHH dịch vụ và vận tải Tùng Anh
Thôn Nam Bình, xã An Hưng, huyện An Dương,
Thành phố Hải Phòng

Mẫu số: S03b-DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI

Năm 2017

Tên tài khoản: Xác định kết quả kinh doanh

Số hiệu: 911

Đơn vị tính: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu năm			
			Số phát sinh			
31/12	PKT29	31/12	Kết chuyển doanh thu	511		28.839.912.811
31/12	PKT29	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515		31.342.997
31/12	PKT30	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	632	25.662.898.102	
31/12	PKT30	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	642	2.188.200.371	
31/12	PKT30	31/12	Kết chuyển chi phí hoạt động tài chính	635	302.991.220	
31/12	PKT32	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	821	143.433.223	
31/12	PKT33	31/12	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế	421	573.732.892	
			Cộng số phát sinh		28.871.255.808	28.871.255.808
			Số dư cuối năm			

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán - Công ty TNHH dịch vụ và vận tải Tùng Anh)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.26. Trích sổ cái TK 821

Công ty TNHH dịch vụ và vận tải Tùng Anh
Thôn Nam Bình, xã An Hưng, huyện An
Dương, Thành phố Hải Phòng

Mẫu số: S03b-DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI

Năm 2017

Tên tài khoản: Thuế thu nhập doanh nghiệp

Số hiệu: 821

Đơn vị tính: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu năm			
			Số phát sinh			
31/12	PKT31	31/12	Xác định thuế TNDN phải nộp	333	143.433.223	
31/12	PKT32	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911		143.433.223
			Cộng số phát sinh		143.433.223	143.433.223
			Số dư cuối năm			

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng kế toán - Công ty TNHH dịch vụ và vận tải Tùng Anh)

Biểu số 2.27. Trích sổ cái TK 421

Công ty TNHH dịch vụ và vận tải Tùng Anh
Thôn Nam Bình, xã An Hưng, huyện An
Dương, Thành phố Hải Phòng

Mẫu số: S03b-DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI

Năm 2017

Tên tài khoản: Lợi nhuận chưa phân phối

Số hiệu: 421

Đơn vị tính: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu năm			387.305.107
			Số phát sinh			
			...			
31/12	PKT33	31/12	Lợi nhuận sau thuế năm 2017	911		573.732.892
			Cộng số phát sinh		387.305.107	573.732.892
			Số dư cuối năm			573.732.892

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng kế toán - Công ty TNHH dịch vụ và vận tải Tùng Anh)

Biểu số 2.28: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Công ty TNHH dịch vụ và vận tải Tùng Anh
Thôn Nam Bình, xã An Hưng, huyện An
Dương, Thành phố Hải Phòng

Mẫu số: B02-DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2017

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		28.839.912.811	21.992.529.912
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		28.839.912.811	21.992.529.912
4. Giá vốn hàng bán	11		25.662.898.102	19.519.867.956
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		3.177.014.709	2.472.661.956
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		31.342.997	3.146.450
7. Chi phí tài chính	22		302.991.220	162.886.451
-Trong đó: Chi phí lãi vay	23			
8. Chi phí bán hàng	24			
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		2.188.200.371	1.713.878.940
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-25)	30		717.166.115	599.043.015
11. Thu nhập khác	31			
12. Chi phí khác	32			
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40			
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		717.166.115	599.043.015
15. Chi phí thuế thu nhập hiện hành	51		143.433.223	119.808.603
16. Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		573.732.892	479.234.412

Hải phòng, ngày 03 tháng 02 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Nguồn: Phòng kế toán - Công ty TNHH dịch vụ và vận tải Tùng Anh)

CHƯƠNG 3

MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VÀ VẬN TẢI TÙNG ANH

3.1. Đánh giá thực trạng công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh nói riêng tại Công ty TNHH dịch vụ và vận tải Tùng Anh

Công ty TNHH dịch vụ và vận tải Tùng Anh là doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực vận tải. Trong thời kì kinh tế phát triển hiện nay, công ty đã và đang có những bước tiến xa hơn trong lĩnh vực hoạt động của mình. Vì vậy, kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh ngày càng cần phải được hoàn thiện hơn.

Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của Công ty TNHH dịch vụ và vận tải Tùng Anh đã đạt được những ưu điểm song cũng còn tồn tại một số nhược điểm. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là phải tìm cách phát huy những điểm mạnh và hạn chế, khắc phục những điểm yếu để công tác kế toán ngày càng hiệu quả hơn.

3.1.1. Ưu điểm

- Về cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý:

+ Công ty đã tổ chức bộ máy quản lý gọn nhẹ, hợp lý, phù hợp với nhiệm vụ kinh doanh của mình. Các phòng ban hoạt động hiệu quả, cung cấp thông tin kịp thời, nhanh chóng cho các cấp quản lý.

+ Đội ngũ cán bộ công nhân viên năng động, ham học hỏi, có trình độ và bộ máy lãnh đạo có năng lực, luôn quan tâm đến cán bộ nhân viên trong công ty.

- Về tổ chức bộ máy kế toán:

+ Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo mô hình tập trung phù hợp với yêu cầu quản lý của công ty trong thời kỳ hiện nay.

+ Nhận sự trong phòng kế toán được sắp xếp hợp lý, khoa học, phân công nhiệm vụ rõ ràng; mỗi nhân viên kế toán phụ trách và tự chịu trách nhiệm về phần hành kế toán

được giao nhưng tất cả đều chịu sự chỉ đạo toàn diện, tập trung và thống nhất của kế toán trưởng. Kế toán trưởng có quyền hạn kiểm tra, giám sát toàn bộ công tác kế toán của công ty. Đội ngũ kế toán trong công ty là những người có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm lâu năm, nên phản ánh nhanh chóng, kịp thời, chính xác các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo đúng chế độ kế toán, đảm bảo cung cấp thông tin kế toán hiệu quả, phục vụ tốt công tác quản lý.

- Về việc tổ chức hệ thống chứng từ, tài khoản, sổ sách kế toán, báo cáo tài chính:

+ Các chứng từ sử dụng cho việc hạch toán đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, đúng với mẫu do Bộ tài chính quy định. Quy trình luân chuyển chứng từ khá nhanh chóng, kịp thời.

+ Về hệ thống tài khoản kế toán: Hệ thống tài khoản kế toán do Bộ tài chính ban hành theo TT số 200/ QĐ – BTC được công ty áp dụng đầy đủ, việc mở các tài khoản chi tiết cũng rất hợp lý và khoa học.

+ Về hình thức kế toán: Công ty áp dụng hình thức “Nhật ký chung”. Hình thức kế toán này có ưu điểm đơn giản, dễ áp dụng, các nghiệp vụ kế toán phát sinh được phản ánh rõ ràng trên sổ Nhật ký chung, các sổ cái và sổ chi tiết theo trình tự thời gian và định khoản.

+ Về báo cáo tài chính: Các báo cáo tài chính được lập theo đúng mẫu biểu quy định và đảm bảo tính chính xác, kịp thời cung cấp thông tin phục vụ công tác quản lý kinh tế tài chính của công ty.

– Về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh:

+ Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của Công ty được áp dụng đúng theo chế độ kế toán ban hành theo thông tư số 200/2014/QĐ-BTC ban hành ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ tài chính và các chuẩn mực kế toán liên quan như chuẩn mực kế toán số 14 về doanh thu và thu nhập khác, chuẩn mực số 17 về thuế thu nhập doanh nghiệp....

+ Về tổ chức kế toán doanh thu: Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến bán hàng và cung cấp dịch vụ đều được kế toán ghi nhận doanh thu một cách kịp

thời, chính xác, đầy đủ, phù hợp với các điều kiện ghi nhận doanh thu.

+ Về tổ chức kế toán chi phí: Các chi phí phát sinh được công ty ghi chép một cách đầy đủ, chính xác; giúp công ty quản lý chặt chẽ được các khoản chi phí hợp lý, hợp lệ phát sinh; từ đó đưa ra những biện pháp điều chỉnh chi phí một cách hợp lý để tăng lợi nhuận của công ty.

+ Về tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh: Công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh đã phần nào đáp ứng được yêu cầu của ban lãnh đạo công ty về việc cung cấp thông tin kịp thời, chính xác về tình hình kinh doanh của công ty.

3.1.2. Hạn chế

Bên cạnh những kết quả đã đạt được thì công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH dịch vụ và vận tải Tùng Anh còn bộc lộ những hạn chế sau:

Thứ nhất, về công tác ghi chép sổ sách kế toán: Công tác kế toán tại đơn vị vẫn được thực hiện một cách thủ công, tiến hành bằng tay mặc dù có sự hỗ trợ của Excel nhưng việc phản ánh nghiệp vụ kinh tế phát sinh, luân chuyển chứng từ còn chậm, dễ gặp phải những sai sót, giảm hiệu quả của công việc.

❖ Về hệ thống sổ sách kế toán:

Hệ thống sổ sách của công ty còn thiếu và sơ sài. Công ty đã không lập sổ chi tiết tài khoản 642 nên khó theo dõi được nội dung các khoản mục chi phí phát sinh trong kỳ, từ đó công tác quản lý chi phí quản lý doanh nghiệp chưa thật sự hiệu quả.

❖ Về việc trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi:

Việc trích lập các khoản dự phòng đồng nghĩa với việc dự kiến trước các tổn thất, để khi những rủi ro kinh tế bất ngờ xảy ra công ty có nguồn kinh phí hợp lý kịp thời cho những rủi ro này, hoạt động kinh doanh sẽ không phải chịu những ảnh hưởng nặng nề, không phải chịu những tổn thất không đáng có. Tuy nhiên hiện tại, công ty có phát sinh các khoản nợ đã quá hạn thanh toán nhưng công ty lại chưa tiến hành trích lập dự phòng cho khoản này cũng như chưa xóa sổ những khoản nợ được xác định là không đòi được.

Biểu số 3.1: Báo cáo tình hình công nợ phải thu đến ngày 31/12/2017

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH CÔNG NỢ PHẢI THU
ĐẾN NGÀY 31/12/2017**

STT	Tên khách hàng	Dư nợ cuối kỳ	Nợ chưa đến hạn	Nợ đến hạn	Nợ quá hạn	Nợ không đòi được
1	Công ty TNHH Mạnh Đạt	42.140.670	42.140.670			
..	
4	Công ty TNHH Minh Phương	45.824.350		45.524.350		
...	
7	Công ty cổ phần Dũng Hân	126.995.000			126.995.000	
...	
15	Công ty cổ phần Phương Vĩnh	13.965.000				22.500.000
...	
	Tổng cộng	2.014.331.027	1.015.224.001	405.289.564	571.317.462	22.500.000

Ngày ... tháng ... năm...

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

3.2. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH dịch vụ và vận tải Tùng Anh

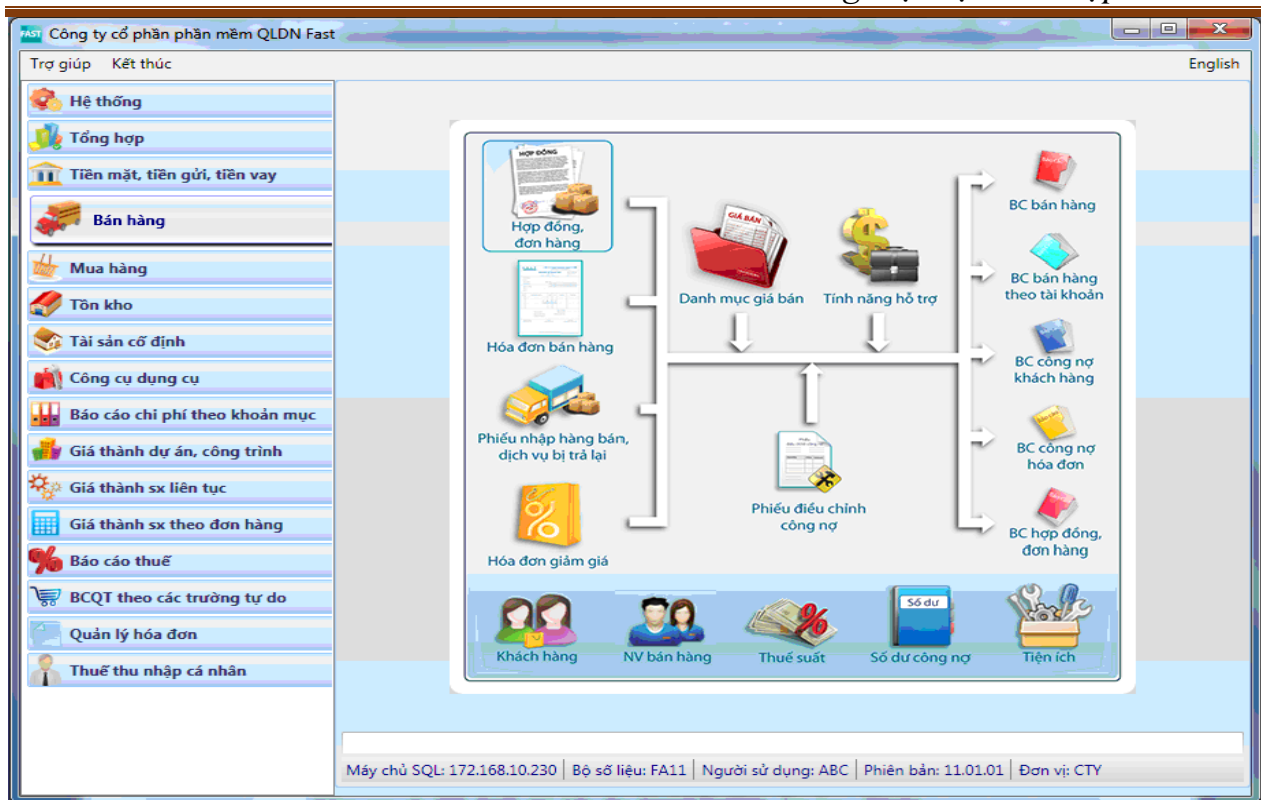
Trong quá trình thực tập tại Công ty TNHH dịch vụ và vận tải Tùng Anh ngoài những mặt tích cực thì về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh còn có những mặt hạn chế như đã trình bày ở trên. Vì vậy, em xin đưa ra một số kiến nghị để một phần nào đó hoàn thiện hơn công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty như sau:

➤ **Kiến nghị 1: Sử dụng phần mềm kế toán vào công tác kế toán.**

Tại Công ty TNHH dịch vụ và vận tải Tùng Anh, công tác hạch toán kế toán được thực hiện thủ công. Máy tính chỉ dùng để soạn thảo văn bản, kẻ mẫu sổ sách và ứng dụng Excel tính lương trong bảng thanh toán lương, khấu hao TSCĐ hàng tháng. Khi sử dụng phần mềm kế toán, việc kiểm tra, xử lý và cung cấp thông tin kinh tế tài chính được nhanh chóng, chính xác, kịp thời, tiết kiệm sức lao động mà hiệu quả công việc cao, các dữ liệu được lưu trữ và bảo quản thuận lợi, an toàn hơn. Vì vậy, Công ty cần quan tâm hơn trong việc đầu tư các phần mềm kế toán cho phù hợp với điều kiện thực tế tại Công ty.

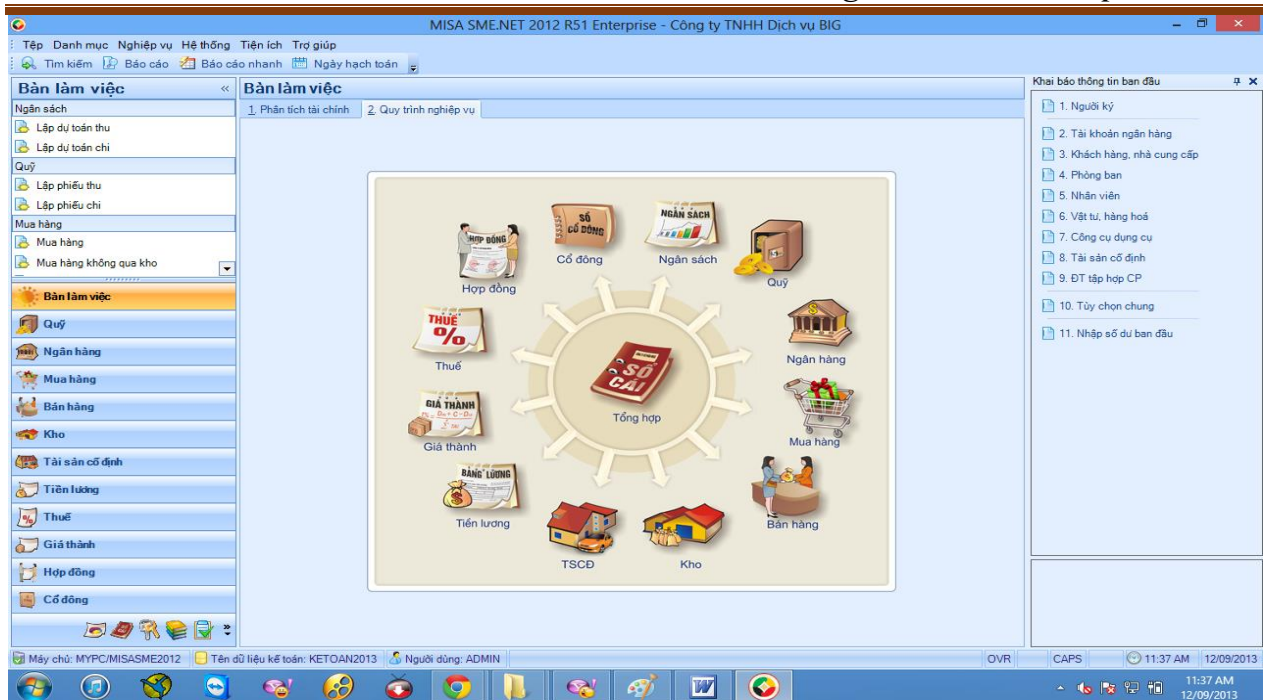
Công ty nên mua một số phần mềm kế toán hiệu quả đang có mặt trên thị trường: Misa, Fast, Smart. Công ty cũng có thể đặt hàng với các công ty cung cấp phần mềm để họ viết phần mềm kế toán theo yêu cầu của công ty. Dưới đây là một số phần mềm công ty có thể tham khảo:

* **Phần mềm kế toán Fast Accounting:** <http://www.fast.com.vn>



Fast Accounting được phát triển và liên tục hoàn thiện từ năm 1997, hiện có hơn 13.000 khách hàng. Fast Accounting với 4 phiên bản đáp ứng cho các loại hình doanh nghiệp: dịch vụ, thương mại, xây lắp, sản xuất. Phần mềm này được phát triển trên công nghệ của Microsoft, ngôn ngữ lập trình là C#.NET, cơ sở dữ liệu là SQL Server, có thể chạy trên máy đơn lẻ, mạng nội bộ hoặc làm việc từ xa qua internet.

*Phần mềm kế toán MISA : <http://www.misa.com.vn/>



MISA SME.NET 2017 là phần mềm luôn được cải tiến cho phù hợp với chế độ kế toán của các doanh nghiệp, đáp ứng đầy đủ các nghiệp vụ kế toán. MISA SME.NET 2017 phù hợp triển khai cho doanh nghiệp thuộc mọi lĩnh vực: Thương mại; Dịch vụ; Xây lắp; Sản xuất.

Phần mềm tự động lập các báo cáo thuế có mã vạch và quản lý chặt chẽ hóa đơn tự in, đặt in, điện tử theo đúng quy định của Tổng cục Thuế. Kết nối với dịch vụ kê khai thuế qua mạng MTAX.VN để nộp báo cáo trực tiếp đến cơ quan Thuế.

Kiến nghị 2: Hoàn thiện hệ thống sổ sách kế toán

Việc công ty cũng không mở sổ chi tiết chi phí quản lý doanh nghiệp theo yếu tố chi phí nên gây khó khăn cho công tác quản trị chi phí. Để việc theo dõi và quản lý chi phí quản lý doanh nghiệp được thực hiện tốt thì kế toán công ty nên mở chi tiết tài khoản 642 nhằm theo dõi chi phí phát sinh theo yếu tố và ứng với mỗi yếu tố chi phí là tài khoản được mở chi tiết tương ứng:

- ✓ **Tài khoản 642** có thể mở chi tiết thành các tài khoản cấp 2 như:
 - TK 6421 : Chi phí nhân viên quản lý(lương và các khoản trích theo lương)
 - TK 6423: Chi phí công cụ dụng cụ, đồ dùng

- TK 6424: Chi phí khấu hao tài sản cố định
- TK 6426: Chi phí dự phòng
- TK 6427: Chi phí dịch vụ mua ngoài (tiền điện, tiền nước...)
- TK 6428 : Chi phí bằng tiền khác (chi phí tiếp khách, công tác phí...)

Qua việc mở chi tiết các tài khoản chi phí trên, sẽ giúp cho công ty dễ dàng theo dõi một cách chi tiết các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ kế toán. Từ đó, giúp nhà quản trị có thể thấy được những khoản chi phí nào phát sinh nhiều, vượt quá mức đề có thể đưa ra những giải pháp kịp thời để giúp tiết kiệm chi phí một cách hiệu quả, tránh lãng phí, nâng cao lợi nhuận cho công ty.

Biểu số 3.3: Sổ chi phí quản lý doanh nghiệp.

Đơn vị: CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VÀ VẬN TẢI TÙNG ANH

Địa chỉ: Thôn Nam Bình, xã An Hưng, huyện An Dương,
Thành phố Hải Phòng

Mẫu số S18-DN

(Ban hành theo TT số 200/2014/QĐ - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH
Tài khoản: 642 – chi phí quản lý doanh nghiệp

Năm 2017

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Ghi Nợ tài khoản..					
	Số hiệu	Ngày tháng			Tổng số tiền	Chia ra				
						6421	6422	6423	6424	...
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	
			Số phát sinh trong kỳ							
									
			Cộng số phát sinh trong kỳ							
			Ghi Có TK...							

Sổ này cótrang, đánh từ trang 01 đến trang.....

- Ngày mở sổ:

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày ... tháng ... năm...
Giám đốc
(Ký, họ tên)

Kiến nghị 3: Về việc trích lập dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi: Là dự phòng phân giá trị tổn thất của các khoản nợ phải thu khi quá hạn thanh toán, nợ phải thu chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán. Hiện tại, công ty chưa tiến hành trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi cũng như xóa sổ những khoản không đòi được. Vì vậy, trong thời gian tới công ty nên tiến hành trích lập khoản này để đảm bảo nguyên tắc thận trọng.

Việc trích lập dự phòng phải thu khó đòi như sau:

a) Điều kiện trích lập dự phòng phải thu khách hàng:

- Khoản nợ gốc có chứng từ gốc, có đối chiếu xác nhận của khách nợ về số tiền còn nợ, bao gồm: Hợp đồng kinh tế, đối chiếu công nợ và các chứng từ khác.
- Các khoản không để căn cứ xác định là nợ phải thu theo quy định này phải xử lý như một khoản tổn thất.

- Có đủ căn cứ xác định là khoản nợ phải thu khó đòi:

- + Nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trên hợp đồng kinh tế.
- + Nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế (các công ty, doanh nghiệp tư nhân, hợp tác xã, tổ chức tín dụng...) đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết.

b) Phương pháp xác định kế toán dự phòng giảm thu khó đòi.

+ Công ty phải theo dõi riêng và thu hồi các khoản của con nợ đúng hạn, có những biện pháp tích cực đòi nợ nhưng vẫn phải chú ý giữ gìn mối quan hệ với khách hàng. Công ty nên trích lập dự phòng các khoản phải thu khó đòi để tránh những rủi ro trong kinh doanh khi khách hàng không có khả năng thanh toán. Mức trích lập theo quy định của chế độ kế toán hiện hành như sau:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn 3 năm trở lên.

- **Chứng từ sử dụng:** Chứng từ gốc, đối chiếu xác nhận của khách nợ về số tiền còn nợ, bao gồm: Hợp đồng kinh tế và các chứng từ khác.
- **Tài khoản sử dụng:** TK 229(3)- Dự phòng phải thu khó đòi.
- **Kết cấu tài khoản 229(3):**

Bên nợ:

Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi

Xử lý các khoản phải thu khó đòi đã lập cuối năm trước.

Bên có:

Số dự phòng phải thu khó đòi được lập tính vào chi phí quản lý kinh doanh.

Số dư bên có: Số dự phòng các khoản phải thu khó đòi hiện có cuối năm.

✓ Trình tự hạch toán:

- Cuối kỳ kế toán, căn cứ vào các khoản nợ phải thu được xác định là không chắc chắn thu được, tính mức dự phòng nợ phải thu khó đòi cần lập lần đầu.

Nợ TK 642: Số tiền trích lập dự phòng

Có TK 229(3): Số tiền trích lập dự phòng

- Cuối kỳ kế toán sau, nếu khoản dự phòng phải lập ở kỳ này lớn hơn số đã lập. Kế toán sẽ phải trích lập thêm:

Nợ TK 642: Số tiền trích lập thêm

Có TK 229(3): Số tiền trích lập thêm

- Cuối kỳ kế toán sau, nếu khoản dự phòng phải lập ở kỳ này nhỏ hơn số đã lập. Kế toán sẽ phải hoàn nhập phần chênh lệch:

Nợ TK 229(3): Số tiền hoàn nhập

Có TK 642: Số tiền hoàn nhập

- Đối với các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa nợ, nếu sau đó lại thu hồi được:

Nợ TK 111, 112... : Số tiền thực tế đã thu hồi được

Có TK 711 : Số tiền thực tế đã thu hồi được

- Các khoản nợ phải thu khó đòi khi xác định thực sự không đòi được sẽ được phép xóa nợ theo chính sách tài chính hiện hành:

Nợ TK 229(3): (nếu đã lập dự phòng)

Nợ TK 642 (nếu chưa lập dự phòng)

Có TK 131,138

Ví dụ: Ngày 31/12/2017, kế toán tiến hành lập dự phòng nợ phải thu khó đòi trên Báo cáo tình hình công nợ (biểu số 3.1) như sau:

- Đối với khoản khách hàng còn nợ được xác định là không đòi được xử lý như sau: Số nợ khó đòi không thể thu hồi năm 2017: 22.500.000 đồng. Công ty tiến hành xóa sổ. Kế toán định khoản:

Nợ TK 642: 22.500.000

Có TK 131: 22.500.000

- Đối với các công ty khác phát sinh nợ quá hạn theo quy định tính được mức cần trích lập dự phòng theo quy định là: 202.140.130 đồng. Kế toán ghi như sau:

Nợ TK 642: 202.140.130

Có TK 229(3): 202.140.130

- Từ bút toán trên kế toán tiến hành ghi vào sổ Nhật ký chung và các sổ sách có liên quan.

KẾT LUẬN

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh có vị trí rất quan trọng trong công tác kế toán của Doanh nghiệp. Việc xác định, phản ánh kịp thời, chính xác, chi tiết, cụ thể doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh sẽ giúp cho nhà quản trị nắm được tình hình tài chính của công ty và đưa ra được những phương hướng phát triển đúng đắn trong doanh nghiệp.

Qua thời gian thực tập tại Công ty TNHH dịch vụ và vận tải Tùng Anh cùng với những kiến thức đã được học tại trường, em đã nhận thức được vai trò của công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh nói riêng. Có thể nói, khóa luận đã nêu được ra các vấn đề cơ bản sau:

Về lý luận, bài viết đã hệ thống hóa một cách chi tiết và đầy đủ các vấn đề lý luận cơ bản về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh trong doanh nghiệp theo quy định hiện hành.

Về thực tiễn, bài viết đã trình bày được khá chi tiết và cụ thể thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh tại Công ty. Bài viết có số liệu minh họa cụ thể (Năm 2017).

Về mặt giải pháp, bài viết đã đánh giá được những ưu điểm, nhược điểm của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh tại Công ty, trên cơ sở đó tác giả đã đưa ra được các giải pháp hoàn thiện có tính khả thi và tương đối phù hợp với tình hình thực tế tại công ty.

Vì thời gian thực tập, sự hiểu biết và trình độ nghiệp vụ còn hạn chế nên bài viết của em còn nhiều thiếu sót. Em kính mong các thầy cô chỉ bảo, tạo điều kiện thuận lợi để em hoàn thành tốt bài khóa luận này.

Cuối cùng, em xin chân thành cảm ơn ban lãnh đạo, các anh chị trong phòng kế toán của Công ty TNHH dịch vụ và vận tải Tùng Anh đã tạo điều kiện cũng như sự hướng dẫn tận tình của thầy giáo **ThS. Nguyễn Văn Thụ** để em có thể hoàn thành tốt bài khóa luận tốt nghiệp này.

Sinh viên

Đỗ Thị Bích Ngọc

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. TS. Phan Đức Dũng (Năm 2006), *Kế toán tài chính*, NXB Thống kê.
2. Thông tư 200/2014/QĐ (2014), *Hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp*, Bộ tài chính
3. Công ty TNHH dịch vụ và vận tải Tùng Anh (2017) *Sổ sách kế toán Công ty*.
4. Các tài liệu khác trên mạng internet.